

Th.S Đỗ Thị Ngọc Lệ (Chủ biên)
Th.S Lê Anh, Th.S Nguyễn Thị Quế (Đồng chủ biên)

TẬP BÀI GIẢNG
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Tài liệu dùng cho hệ Đại học)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Kế hoạch số 525/KH - BGĐT, ngày 19/06/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai Kết luận số 94 KL-TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới học tập Lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời được sự chấp thuận của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm tác giả: ThS.Đỗ Thị Ngọc Lệ (chủ biên), ThS. Lê Anh, ThS. Nguyễn Thị Quế (đồng chủ biên) đã đi vào nghiên cứu và thực hiện biên soạn Tập bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên bậc đại học).

Trong quá trình biên soạn Tập bài giảng, nhóm tác giả đã kế thừa các giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở đó, Tập bài giảng được điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu phục vụ nhu cầu học tập của sinh viên Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, bậc Đại học. Ngoài chương nhập môn, nội dung Tập bài giảng được thiết kế thành ba chương, lần lượt làm rõ cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách và quá trình chỉ đạo thực tiễn của Đảng từ khi Đảng ra đời, lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Mặc dù có nhiều cố gắng trong biên soạn, song Tập bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam khó tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Trong quá trình giảng dạy, học tập, rất mong được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa để không ngừng nâng cao chất lượng Tập bài giảng.

Xin chân thành cảm ơn!

TẬP THỂ TÁC GIẢ

MỤC LỤC

CHƯƠNG NHẬP MÔN	4
ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	4
1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4
2. Chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4
2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng	4
2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng	5
3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5
3.1. Phương pháp nghiên cứu	5
3.2. Yêu cầu đối với sinh viên	6
CHƯƠNG 1	7
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	7
1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	7
1.1.1. Bối cảnh lịch sử	7
1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng	9
1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	11
1.1.4. Ý nghĩa của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	13
1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	14
1.2.1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị tháng 10/1930	14
1.2.2. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng 1932-1935	16
1.2.3. Phong trào dân chủ 1936-1939	17
1.2.4. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945	19
1.2.5. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945	24
Câu hỏi ôn tập Chương 1	26
CHƯƠNG 2	27
ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	27
2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	27
2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946	27

2.1.2 Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950	31
2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954	35
2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ	39
2.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)	40
2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc 1954-1965 ..	40
2.2.2 Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975	48
Câu hỏi ôn tập Chương 2	58
CHƯƠNG 3	59
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)	59
3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)	59
3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981	59
3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986	64
3.2. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)	66
3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996	66
3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 – 2018	74
3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	96
TỔNG LUẬN	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO	111

CHƯƠNG NHẬP MÔN

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Kết cấu chương nhập môn:

- Đối tượng nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa môn học

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là:

- Các sự kiện lịch sử Đảng nhằm hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng.
- Cương lĩnh, đường lối của Đảng nhằm làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.
- Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực tiễn của Đảng và những thành tựu, bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp cách mạng.
- Làm rõ tổ chức của Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các giai đoạn và thời kỳ lịch sử.

2. Chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

Môn học Lịch sử Đảng có hai chức năng cơ bản: chức năng nhận thức khoa học và chức năng giáo dục tư tưởng chính trị.

Chức năng nhận thức: Nghiên cứu và học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một Đảng chính trị - tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng ta là một đảng cách mạng, thường xuyên tự xây dựng và chỉnh đốn để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trước đất nước và dân tộc.

Nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn góp phần nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc, bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nhận thức rõ những vấn đề lớn của đất nước, của dân tộc trong mối quan hệ với những vấn đề của thời đại và thế giới. Tổng kết lịch sử Đảng để nhận thức về các quy luật của cách mạng: giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, những kiến thức khoa học về các quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử cách mạng Việt Nam có tác dụng làm phong phú thêm về thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin vững chắc

vào sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Môn học Lịch sử Đảng còn bồi đắp, xây dựng lý tưởng cách mạng: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, tính tiên phong gương mẫu của các tổ chức đảng, của các chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng phát triển đất nước. Góp phần quan trọng trong giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc về đạo đức cách mạng, nhân cách và lối sống cao đẹp.

Ngoài ra, Lịch sử Đảng còn có chức năng dự báo và phê phán. Việc hiểu biết thấu đáo những kiến thức và kinh nghiệm lịch sử Đảng là cơ sở khoa học để có thể dự báo những xu hướng phát triển chủ yếu của xã hội, là cơ sở để Đảng vạch ra đường lối, chủ trương, chính sách.

2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng

- Làm sáng tỏ điều kiện lịch sử, quá trình ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Làm rõ quá trình trưởng thành, phát triển của Đảng gắn liền với hoạt động xây dựng một chính đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Trình bày quá trình hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ, các giai đoạn cách mạng trong những bối cảnh lịch sử cụ thể.

- Trình bày các phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng tổ chức và lãnh đạo.

- Tổng kết những kinh nghiệm lịch sử Đảng.

- Làm rõ truyền thống nổi bật của Đảng, trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu, bản lĩnh của cán bộ, đảng viên.

3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận sử học*

Nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần dựa trên phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật. Nhận thức rõ các sự kiện và tiến trình lịch sử trong các mối quan hệ: nguyên nhân và kết quả, hình thức và nội dung, hiện tượng và bản chất, cái chung và cái riêng, phổ biến và đặc thù.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng.

- *Các phương pháp cụ thể:*

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

Phương pháp lịch sử và phương pháp logic có quan hệ mật thiết với nhau trong

nguyên cứu và nhận thức lịch sử. Các phương pháp đó không tách rời mà luôn luôn gắn với nguyên tắc: tính khoa học và tính đảng trong khoa học lịch sử và trong chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngoài ra, nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn sử dụng *phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử* gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. *Phương pháp so sánh*, so sánh giữa các giai đoạn, thời kỳ lịch sử, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh trong nước và thế giới...

3.2. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên cần nghe giảng trên lớp để nắm vững những nội dung cơ bản của từng bài giảng và nội dung tổng thể của môn học. Thực hiện làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận, tương tác các vấn đề do giảng viên đặt ra để hiểu rõ hơn nội dung chủ yếu của môn học. Tham gia các buổi học thực tế tại bảo tàng chứng tích chiến tranh, bảo tàng lịch sử quốc gia, bảo tàng địa phương và các di tích lịch sử đặc biệt gắn với sự lãnh đạo của Đảng.

Đối với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, phân bổ 2 tín chỉ, tập trung nghiên cứu ba vấn đề: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (1975-2018).

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những bài học quý báu có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng, những vấn đề trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

CHƯƠNG 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

MỤC TIÊU

- *Kiến thức*: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, và quá trình Đảng lãnh đạo dân tộc Việt Nam đứng dậy đấu tranh giành lấy chính quyền 1930 -1945.

- *Tư tưởng*: Góp phần bồi dưỡng niềm tin sâu sắc của thế hệ trẻ vào con đường mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng đã lựa chọn cho dân tộc Việt Nam.

- *Kỹ năng*: Góp phần hình thành nhận thức và hành động đúng đắn theo quy luật khách quan trong các hoạt động thực tiễn xây dựng, bảo vệ, và phát triển đất nước.

Kết cấu chương 1 gồm 2 phần:

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
- Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1.1. Bối cảnh lịch sử

1.1.1.1 Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam

Vào nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn độc quyền (chủ nghĩa đế quốc), ở trong nước thì tăng cường bóc lột người lao động, ở bên ngoài đẩy mạnh quá trình xâm lược các nước yếu kém, biến các nước này thành thuộc địa. Do vậy, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, nhất là ở Châu Á, trong đó có phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 nổ ra và thắng lợi đã mở ra thời đại mới - “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”¹. Cách mạng Tháng Mười đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động các nước, nhất là các nước thuộc địa và là một trong những động lực thúc đẩy sự ra đời các đảng cộng sản.

Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập (3/1919) có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tại Đại hội II đã thông qua *Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* năm 1920. Cách mạng Tháng Mười và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào giải phóng dân tộc ở khắp các nước thuộc địa trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

1.1.1.2. Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

Ngày 01/9/1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, triều đình Huế đã ký với Pháp các Hiệp ước: Nhâm Tuất (1862), Giáp Tuất (1874), Quý Mùi (1883),

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 526.

Giáp Thân (1884) - Patronote, đây là hiệp ước cuối cùng mà triều đình Huế đã ký và chính thức đầu hàng thực dân Pháp.

Sau khi xâm chiếm Việt Nam, thực dân Pháp đã áp đặt chính sách cai trị thực dân: tước bỏ quyền đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; thực hiện chính sách “chia để trị” để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc Việt nam.

Về kinh tế, thực dân Pháp đã tiến hành khai thác thuộc địa: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và khai thác thuộc địa lần hai (1919 - 1929) đã tác động rất lớn đến kinh tế và xã hội Việt Nam, thực dân Pháp ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công với giá rẻ mạt và biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của thực dân. Thực dân Pháp áp dụng một cách hạn chế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nhằm khai thác tài nguyên vì thế, kinh tế Việt Nam trở nên lạc hậu và phụ thuộc.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ bề cai trị, đồng thời ra sức tuyên truyền tư tưởng “khai hóa văn minh”; gây ra tâm lý vọng ngoại, tự ti vong bản; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu của thời kỳ phong kiến, đầu độc các thế hệ người Việt Nam bằng khuyến khích tiêu thụ rượu và á phiện.

Dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp, Việt Nam từ một quốc gia phong kiến độc lập đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, xã hội bị phân hóa sâu sắc.

- *Giai cấp địa chủ*: Một bộ địa chủ phong kiến câu kết với thực dân Pháp tăng cường bóc lột, áp bức nông dân. Một bộ phận không chịu nổi nhục mất nước, căm ghét chế độ thực dân nên đã đứng lên chống Pháp tiêu biểu như phong trào Cần Vương. Một bộ phận nhỏ có vốn liếng đã chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

- *Giai cấp nông dân*: chiếm khoảng 90% dân số bị bóc lột chủ yếu. Ruộng đất của nông dân đã bị bọn tư bản thực dân chiếm đoạt. Vì bị mất nước và mất ruộng đất nên nông dân có mâu thuẫn với đế quốc và phong kiến, đặc biệt là với đế quốc và bọn tay sai phản động. Họ vừa có yêu cầu độc lập dân tộc, lại vừa có yêu cầu ruộng đất, song yêu cầu về độc lập dân tộc là bức thiết nhất.

- *Giai cấp công nhân Việt Nam*: ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, tập trung nhiều ở các thành phố và vùng mỏ. Công nhân Việt Nam xuất thân từ giai cấp nông dân, là nạn nhân của chính sách chiếm đoạt ruộng đất của thực dân Pháp nên thuận lợi cho liên minh công nông. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam, vừa ra đời và lớn lên đã sớm tiếp thụ ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin nên là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

- *Giai cấp tư sản Việt Nam*: hình thành trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, một bộ phận có gốc từ đại địa chủ, lợi ích gắn liền với thực dân Pháp trở thành tầng lớp tư sản mại bản, phần lớn các nhà tư sản ra đời trong điều kiện bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh rất gay gắt, nên số lượng tư sản Việt Nam ít ỏi, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu ớt. Vì vậy tư sản Việt Nam tuy có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không đủ điều kiện để lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công.

- *Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam*: bao gồm học sinh, nhà buôn, trí thức và những người làm nghề tự do. Họ có tinh thần yêu nước, bị đế quốc và phong kiến áp

bức, bóc lột và khinh rẻ nên rất hăng hái cách mạng. Trong đó tầng lớp trí thức là tầng lớp rất nhạy cảm với thời cuộc, tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ và canh tân đất nước, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc.

Tóm lại, với chính sách cai trị của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và làm nảy sinh thêm mâu thuẫn mới gay gắt trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

Ngay từ khi bị thực dân Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp với tinh thần quật cường đã diễn ra liên tục, rộng khắp, tiêu biểu là phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng. Dù rất kiên cường song phong trào sớm bị dập tắt, ngọn cờ phong kiến không còn đủ sức để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân.

Bên cạnh phong trào yêu nước theo xu hướng phong kiến, vào đầu thế kỷ XX, trào lưu dân chủ tư sản của trí thức tiêu biểu như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học đã hướng ra bên ngoài thông qua sách báo, học tập các cuộc cách mạng bên ngoài để làm cách mạng, chống Pháp nhưng đều thất bại. Mặc dù thất bại nhưng các phong trào này đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, thúc đẩy những thanh niên trí thức tiên tiến đi tìm một đường lối cứu nước mới đáp ứng được yêu cầu của thời đại và công cuộc giải phóng dân tộc.

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng

1.1.2.1. Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng vô sản (1911-1920)

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam khủng hoảng con đường cứu nước. Trong bối cảnh đó, vào ngày 5/06/1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các nhà yêu nước đương thời Người đã nhận thức được một cách rạch ròi rằng: *dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người, giống người bóc lột và giống người bị bóc lột*, từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Nguyễn Tất Thành từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị tìm hiểu con đường Cách mạng tháng Mười Nga do V.I.Lênin. Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất lúc đó ở Pháp. Tháng 6-1919, tại Hội nghị Versailles các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp bàn về chia lợi ích sau chiến tranh. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt *Hội những người An Nam yêu nước* ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam. Tuy không được Hội nghị chấp nhận nhưng được báo chí tiến bộ Pháp công bố rộng rãi và tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế. Từ đó Nguyễn Ái Quốc kết luận rằng: *Những lời tuyên bố dân tộc tự quyết của bọn đế quốc chỉ là trò bịp bợm; các dân tộc thuộc địa muốn độc lập thực sự, trước hết phải dựa vào chính mình*.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đăng trên báo Nhân đạo.

Luận cương đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Lý luận của V.I.Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12-1920) tổ chức ở Tour. Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III và trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ một người yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một người cộng sản.

1.1.2.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam

Về tư tưởng, năm 1921 Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa tại Pháp, sau đó sáng lập tờ báo Người cùng khổ (Le Paria), thông qua viết báo Người thể hiện quan điểm của mình trên các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế... lên án bản chất tàn bạo, bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi nhân dân bị áp bức đứng dậy đấu tranh giải phóng. Tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” với những tư liệu cụ thể đã chỉ rõ chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm trưởng tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương.

Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: *Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy*. Chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Người ví Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam, do đó phải truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Về chính trị, Từ thực tiễn phong trào cách mạng thế giới và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*, đây là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản; Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng ở thuộc địa có tính độc lập tương đối và có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở chính quốc phát triển.

Về lực lượng, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ lực lượng cách mạng “*công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông*”. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng “*là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người*”¹.

Về vai trò của Đảng Cộng sản, Người khẳng định: *Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với*

2 Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 288.

dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.

Về tổ chức, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (6-1925) tại Quảng Châu (đây cũng là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này). Tổ chức gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Hội ra tờ báo *Thanh niên* (số đầu tiên 21-6-1925) là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Sau khi thành lập, Nguyễn Ái Quốc tham gia giảng dạy chính trị cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, phần lớn các hội viên sau này được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng, một số tiếp tục ra nước ngoài học tập để sau này đáp ứng yêu cầu cách mạng. Tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc sau này được *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* xuất bản thành tác phẩm *Đường Kách Mệnh* (1927). Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, phác thảo những đường nét cơ bản về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Tác phẩm đã thể hiện rõ tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào đặc điểm cụ thể của Việt Nam - một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Sau thời gian tham gia lớp học chính trị tại Quảng Châu - Trung Quốc, một số hội viên trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu trở về phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Với sự hoạt động tích cực của mình, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin thâm nhập một cách có hệ thống và lan tỏa sâu rộng vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản những năm 1928-1929.

1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1.3.1. Các tổ chức cộng sản ra đời

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp để lãnh đạo phong trào. Vào tháng 3/1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc kỳ đã quyết định lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, và bầu Trần Văn Cung làm bí thư. Tháng 6/1929, tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), các đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc kỳ họp quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, và thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Trước sự ra đời của *Đông Dương Cộng sản Đảng*, vào mùa thu 1929, các đồng chí trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động ở Trung Quốc và Nam Kỳ thành lập *An Nam Cộng sản Đảng* tại Khánh Hội, Sài Gòn, tuyên bố Điều lệ và xuất bản Tạp chí Bôn-sê-vich.

Việc ra đời của *Đông Dương Cộng sản Đảng* và *An Nam Cộng sản Đảng* đã làm cho nội bộ Đảng Tân Việt phân hóa mạnh mẽ. Tháng 1/1930, phái tả của Đảng Tân Việt thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* và ra tuyên đạt của Đông Dương

Cộng sản Liên đoàn lấy chủ nghĩa cộng sản làm nền móng, lấy công, nông binh làm đối tượng vận động cách mạng và làm cho xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, xóa bỏ áp bức bóc lột bất công rồi tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Trong vòn chưa đầy nửa năm đã có ba tổ chức cộng sản ra đời đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử. Tuy nhiên, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản sẽ gây trở ngại cho sự tập trung thống nhất các phong trào cách mạng. Do vậy, hợp nhất các tổ chức cộng sản cũng là yêu cầu bức thiết của phong trào cách mạng lúc bấy giờ.

1.1.3.2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Nhận thức được yêu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đến Trung Quốc. Người đã chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản, họp từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc. Bằng tài năng, uy tín và tài tổ chức của mình và ý thức trách nhiệm của các đồng chí tham dự hội nghị, Hội nghị thảo luận và đã thông qua việc hợp nhất các tổ chức Đảng ở Đông Dương với tên gọi là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị cũng thông qua các tập văn kiện: *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam - còn được gọi là Cương lĩnh tháng 2/1930.

1.1.3.3. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị tháng 02/1930 của Đảng Cộng sản Việt Nam

Cương lĩnh tháng 2/1930 là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xác định các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam:

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “*chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”. Các nhiệm vụ của cách mạng Việt nam.

- *Về chính trị*: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông, thiết lập thể chế chính trị và nhà nước, “quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”¹.

- *Về kinh tế*: thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ. Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện kinh tế đã phản ánh đúng tình hình kinh tế, giai cấp của xã hội Việt Nam thuộc địa, nửa phong kiến và yêu cần phải tập hợp lực lượng để giải quyết nhiệm vụ hàng đầu lúc này là đánh đổ Pháp để giành độc lập cho dân tộc.

- *Về văn hóa - xã hội*: dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền...; phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

- *Về lực lượng cách mạng*: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 2, tr.270.

phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến; phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày được thoát khỏi ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia; Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

- *Phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc.* Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết đánh đổ “bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng”.

- *Lãnh đạo cách mạng:* Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng; trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không bao giờ được hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác.

- *Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế.* Cương lĩnh chỉ rõ Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển đất nước, phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Qua đó, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh dù vắn tắt, nhưng đã phản ánh những vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam: xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra. Thể hiện được tính đúng đắn và sáng tạo, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính dân tộc, tính giai cấp và tính nhân văn.

1.1.4. Ý nghĩa của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã quy tụ ba tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam theo một đường lối chính trị đúng đắn, tạo sự thống nhất về tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

Là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sự chuẩn bị tích cực sáng tạo và bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của dân tộc và giai cấp.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự truyền bá chủ nghĩa Mác-

Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước làm đẩy lên phong trào cách mạng vô sản mạnh mẽ. Sự kiện thành lập Đảng chứng tỏ giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam, khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, con đường duy nhất đúng để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Sự ra đời của Đảng còn là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam tiến lên gặt hái những thành quả cách mạng từ 1930 cho đến nay và trong tương lai.

1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

1.2.1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị tháng 10/1930

1.2.1.1. Phong trào cách mạng năm 1930 - 1931

Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã tàn phá nghiêm trọng nền kinh tế của các nước tư bản, vì vậy giai cấp tư sản ở các nước tư bản đã trút gánh nặng khủng hoảng lên vai nhân dân lao động trong nước và nhân dân lao động ở các nước thuộc địa. Tại Việt Nam - Đông Dương, công nhân bị sa thải, nông dân điêu đứng vì giá lúa giảm thấp... cộng thêm sưu cao thuế nặng và hàng trăm thứ thuế vô lý vô nhân đạo làm cho mọi tầng lớp nhân dân càng thêm kiệt quệ. Chính sách kinh tế và chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp đã làm bùng nổ cuộc đấu tranh chống Pháp quyết liệt của nhân dân ta.

Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa mới ra đời đã xây dựng được hệ thống tổ chức thống nhất với cương lĩnh đúng đắn, trở thành hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh và đưa phong trào cách mạng lên một tầm vóc mới trên quy mô toàn quốc.

Từ tháng 1-1930 đến tháng 4-1930 phong trào cách mạng mở đầu bằng các cuộc bãi công của công nhân ở nhà máy xi măng Hải Phòng, ở đồn điền Phú Riềng, ở nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm Bến Thủy. Kết hợp với phong trào công nhân là phong trào đấu tranh của nông dân diễn ra ở nhiều nơi như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh. Phong trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ bắt đầu từ tháng 5/1930, trong ngày quốc tế lao động 1/05/1930 lần đầu tiên công nông và nhân dân Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình. Phong trào phát triển với qui mô rộng lớn trên khắp cả nước, tập trung ở các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ và các đô thị lẫn nông thôn ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Hầu hết các cuộc đấu tranh đều thắng lợi, thực dân Pháp và bọn tay sai một mặt tăng cường đàn áp khủng bố, một mặt phải thực hiện những nhượng bộ nhất định như thả người bị bắt, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân, hoãn thuế cho nông dân.

Tháng 9-1930, phong trào phát triển đến đỉnh cao, từ đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh dân chủ tự phát của quần chúng đã tiến lên đấu tranh chính trị, từ những

cuộc đấu tranh đòi giảm sưu cao thuế nặng ở một số nơi chuyển sang hành động trừng trị bọn cường hào ác bá, phá ngục tù của thực dân Pháp. Trong nhiều cuộc biểu tình, quần chúng nhân dân đã tổ chức được các đội vũ trang để tự vệ chống đàn áp. Cao trào cách mạng của công nông đã lôi cuốn nhiều trí thức tham gia.

Ở hai địa phương Nghệ An - Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều huyện xã đã bị tê liệt, tan rã. Các tổ chức Đảng ở địa phương đã chỉ đạo quần chúng tiến hành quản lý đời sống và trật tự xã hội, chính quyền cách mạng được thành lập ở một số thôn, xã. Với tên gọi Xã bộ nông, chính quyền cách mạng thực hiện vai trò quản lý xã hội ở địa phương mình, ban bỏ quyền tự do dân chủ cho nhân dân; chia lại công điền, công thổ một cách công bằng, thủ tiêu các thứ thuế vô lý, vô nhân đạo, giải quyết nạn đói, củng cố đề điều, vận động nhân dân hỗ trợ nhau tích cực gia tăng sản xuất. Chính quyền tổ chức đời sống mới, mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho nhân dân, xóa bỏ các tệ nạn xã hội và các hủ tục mê tín dị đoan, xây dựng tình thân ái đoàn kết đồng cam cộng khổ giúp đỡ nhau của người lao động. Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh trở thành nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho lực lượng công nông trên cả nước. Phong trào ra đời làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta và thực dân Pháp diễn ra càng quyết liệt hơn. Pháp điên cuồng khủng bố, đàn áp nhân dân Nghệ An - Hà Tĩnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân ta vẫn kiên quyết đấu tranh bảo vệ và duy trì ảnh hưởng của chính quyền Xô Viết công nông đầu tiên của dân tộc. Khi phong trào phát triển đến đỉnh cao ở một số địa phương đã xuất hiện khuynh hướng “tả”, khuynh hướng này làm cho phong trào chỉ mang màu sắc công nông mà chưa thể hiện được là phong trào của dân tộc. Tuy tồn tại không lâu, nhưng Xô Viết Nghệ - Tĩnh đã kiến tạo một mô hình chính quyền mới trong lịch sử dân tộc - chính quyền của nhân dân lao động. Nhân tố của dân, do dân và vì dân đã nảy mầm từ các Xã bộ nông. Dù không tránh khỏi lúng túng trong quản lý xã hội, nhưng Xô Viết Nghệ - Tĩnh đã thể hiện sự kiên cường bất khuất trước kẻ thù tàn bạo, gợi mở một mô hình chính quyền mới trong lịch sử dân tộc.

1.2.1.2. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10 - 1930)

Từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc), hội nghị đã đổi tên Đảng Cộng sản Việt nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị đã bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư và đã thông qua Luận cương chính trị tháng 10/1930, với những nội dung:

- *Xác định mâu thuẫn giai cấp* diễn ra gay gắt ở ba nước trên bán đảo Đông Dương, giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.

- *Xác định phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương*: lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, có tính chất thổ địa và phản đế, “tư sản cách mạng dân quyền là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”, sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

- *Về nhiệm vụ của cách mạng*: đánh đổ địa chủ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược này có quan hệ khăng khít với nhau,

trong đó “vấn đề thổ địa là cốt của cách mạng tư sản dân quyền” và là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo cho dân cày.

- *Về lực lượng cách mạng*: Giai cấp vô sản và nông dân là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

- *Về lãnh đạo cách mạng*: Luận cương khẳng định: “Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng, Đảng muốn mạnh phải có kỷ luật tập trung, liên lạc mật thiết với quần chúng nhân dân”.

- *Về phương pháp cách mạng*: Con đường cách mạng là “võ trang bạo động”. Khi tình thế đến, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch và giành lấy chính quyền cho công nông”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

- *Về mối quan hệ quốc tế*: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới mà trước hết với giai cấp vô sản Pháp, phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Luận cương đã khẳng định nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược của cách mạng. Tuy nhiên, vì nhấn mạnh quan điểm đấu tranh giai cấp, chưa đánh giá đúng tính cách mạng của trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ nhỏ... nên khó phát huy tinh thần dân tộc, một động lực lớn của cách mạng giải phóng dân tộc; do đó mũi nhọn đấu tranh không tập trung vào kẻ thù nguy hiểm nhất của dân tộc là đế quốc và tay sai; không tập hợp được các lực lượng yêu nước ngoài công nông trong sự nghiệp cách mạng.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế đó là do chưa tìm ra và nắm vững những đặc điểm của xã hội thuộc địa, nửa phong kiến và do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng ở thuộc địa, chịu ảnh hưởng trực tiếp tư tưởng tả khuynh trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng cộng sản trong thời gian đó. Sau hội nghị Trung ương tháng 10/1930, Đảng đã có chủ trương mới: ngày 18/11/1930 Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị về vấn đề thành lập “Hội phản đế Đồng minh” là tổ chức mặt trận đầu tiên để tập hợp các tầng lớp nhân dân; khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

1.2.2. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng 1932-1935

Sau thất bại của phong trào cách mạng 1930-1931, yêu cầu cấp bách cần phải thực hiện là khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và phong trào quần chúng.

Đầu năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí công bố *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên cộng sản đoàn... Chương trình hành động tố cáo kịch liệt tội ác của đế quốc và phong kiến, phê phán các tư tưởng cải lương đang tồn tại để khẳng định con đường cách mạng, con đường đấu tranh giai cấp; đồng thời tuyên bố chỉ có vũ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, thì mới triệt để thực hiện được yêu cầu độc lập, ruộng đất, các quyền dân chủ của công nông và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chương

trình hành động nhấn mạnh phải củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, phải xây dựng Đảng “cứng như sắt, vững như đồng” để tập hợp quần chúng. Tại Hội nghị Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương và đại diện các tổ chức Đảng ở trong nước đã xem Chương trình hành động như là một đường lối chính trị trong tình hình mới với tư tưởng cơ bản của đường lối này là đưa cách mạng ra khỏi thoái trào bằng quyết tâm xây dựng Đảng vững mạnh và khôi phục phong trào quần chúng. Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được khôi phục.

Tháng 3/1935 tại Ma Cao, Trung Quốc, Đại hội lần I của Đảng được triệu tập, bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Lê Hồng Phong làm Tổng bí thư. Đại hội I của Đảng đã đánh dấu hệ thống tổ chức Đảng được khôi phục, phân tích kỹ tình hình thế giới, trong nước và cho rằng điều kiện quốc tế có nhiều thuận lợi cho cách mạng nhưng điều kiện chủ quan còn non yếu, chưa theo kịp, vì thế nhiệm vụ chính của cách mạng lúc này là: củng cố phát triển Đảng; Thu phục quần chúng lao động; Chống chiến tranh đế quốc. Tuy vậy, Đại hội I có thiếu sót là chưa nhận thấy nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh phát xít, chưa đánh giá hoàn toàn khách quan mối quan hệ giữa các giai cấp, nên không chủ trương lập mặt trận đoàn kết rộng rãi, chưa tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng qua năm năm kể từ khi thành lập. Những hạn chế này đã được bổ sung ở các Hội nghị Trung ương trong những giai đoạn đấu tranh cách mạng sau này.

1.2.3. Phong trào dân chủ 1936-1939

1.2.3.1. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng

Cuộc khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản trong những năm 1929-1933 đã dẫn đến sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít ở một số nước đế quốc. Thế lực tư bản tài chính lên nắm quyền ở Đức, Ý, Nhật. Chủ trương là thống trị độc tài, quân phiệt ở bên trong và tiến hành chiến tranh xâm lược ở bên ngoài để cướp thuộc địa và tiêu diệt Liên Xô. Nguy cơ chiến tranh thế giới ngày càng rõ rệt.

Tại Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã nhận định kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân lao động toàn thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó phải thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi để thống nhất hành động.

Tại Pháp, thực hiện nghị quyết này, Mặt trận nhân dân chống phát xít được thành lập do Đảng Cộng sản Pháp giữ vai trò trụ cột. Tháng 5/1936, trong cuộc tổng tuyển cử để nắm quyền lãnh đạo nước Pháp, Mặt trận nhân dân Pháp thắng cử và lập ra Chính phủ nhân dân Pháp. Chính phủ thi hành một số quyết định và cải cách xã hội có lợi cho thuộc địa, nói lỏng quyền cai trị ở thuộc địa, cử những đoàn điều tra Đông Dương, thả các chính trị phạm, đây là cơ hội hiếm có để Đảng phát động phong trào đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp.

Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ nên mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ nhằm thoát khỏi tình trạng ngột ngạt do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra.

Sau khi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong trở về trực

tiếp lãnh đạo Đảng, đã nhìn nhận: Đảng ta còn non yếu và thiếu kinh nghiệm, cần nhìn lại một số sai lầm để cải tiến công tác, trước hết không sử dụng những tài liệu trước đây đã không còn phù hợp với nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Từ đó đề ra chủ trương mới.

Chủ trương mới của Đảng: thể hiện chủ yếu trong các Hội nghị BCHTW lần thứ 2 (7/1936); lần thứ 3 (3/1937); lần thứ 4 (9/1937) và lần thứ 5 (3/1938).

- Về kẻ thù của cách mạng: Kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

- Về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng: Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ, thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy liên minh công nông làm nòng cốt, tập hợp mọi lực lượng không phân biệt dân tộc, tôn giáo, đảng phái.

- Về đoàn kết quốc tế: Đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, “ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp”.

- Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: Chuyển hình thức tổ chức đấu tranh bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai và nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, song tránh sa vào chủ nghĩa công khai.

Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ 1936- 1939, Ban chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và điền địa, trong các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương từ tháng 7/1936 đến tháng 3/1938, vấn đề dân tộc và dân chủ đã được bàn lại, theo hướng ưu tiên hơn cho nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc. Trong văn kiện “Chung quanh vấn đề chiến sách mới” (tháng 10/1936), Đảng đã nêu lên một quan điểm mới là cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết hợp chặt chẽ với cuộc cách mạng điền địa, nghĩa là không thể nói rằng muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa. Nói cách khác, việc phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Văn kiện “Chung quanh vấn đề chiến sách mới” tháng 10/1936 đã thể hiện sự nâng cao nhận thức về nhân tố dân tộc trong cách mạng, nhận thức và quan điểm này phù hợp với tinh thần của Chính cương, Sách

lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và thông qua tại hội nghị thành lập Đảng, bước đầu khắc phục những hạn chế trong Luận cương chính trị tháng 10-1930.

1.2.3.2. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình

Dưới sự lãnh đạo của Đảng phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ 1936-1939 diễn ra sôi nổi và đa dạng. Đầu tiên là phong trào đấu tranh đòi triệu tập Đông Dương đại hội nhằm thu thập ước nguyện của quần chúng. Nhân việc Ủy ban điều tra thuộc địa Pháp đến Đông Dương, Đảng phát động phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, chủ trương thành lập “Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội”. Trong một thời gian ngắn để chuẩn bị tiến tới Đông Dương đại hội, khắp các vùng đô thị lẫn nông thôn, từ nhà máy đến hầm mỏ, đồn điền, nhân dân ta đã lập ra các “Ủy ban hành động” nhằm tập hợp lực lượng của quần chúng, lấy thỉnh nguyện thư đòi cải cách của tất cả các tầng lớp nhân dân và bầu đại biểu của nhân dân để chuẩn bị đi dự Đông

Dương đại hội. Trước áp lực của phong trào đấu tranh, chính phủ Pháp phải trả tự do chính trị phạm và phải ban hành nghị định ngày làm việc 8 giờ và hàng năm người lao động được nghỉ 10 ngày có lương. Sau đó, do lo sợ phong trào triệu tập Đông Dương đại hội phát triển vượt khỏi tầm kiểm soát, nhà cầm quyền Pháp đã ra lệnh cấm phong trào Đông Dương đại hội.

Sau đó là phong trào đón rước phái viên Godard và toàn quyền Brévié (1/1937). Thực chất là một dịp để tập hợp, huấn luyện biểu dương lực lượng hùng hậu của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong lĩnh vực báo chí cũng rất sôi nổi, phát triển khá đa dạng và phong phú. Báo chí cách mạng đã được xuất bản bằng tiếng Pháp lẫn tiếng Việt ở khắp ba miền Trung, Nam, Bắc. Những tác phẩm và tài liệu giới thiệu về đấu tranh giai cấp, về chủ nghĩa xã hội đã được xuất bản công khai như Cuốn Vấn đề dân cày của Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp, cuốn Chủ nghĩa Mác của Hải Triều... Đảng chủ trương phát động phong trào truyền bá chữ quốc ngữ (1937), giúp cho nhiều người dân thoát nạn mù chữ.

Bên cạnh các phong trào đấu tranh của quần chúng, Đảng cũng chủ trương tham gia đấu tranh trong nghị trường để bênh vực quyền lợi của nhân dân.

Phong trào đấu tranh cách mạng giai đoạn 1936-1939 đã đạt được những thắng lợi đáng kể về chiến lược và phương pháp cách mạng trong điều kiện vấn đề chính quyền chưa đặt ra trực tiếp. Đây là bước phát triển mới của Đảng và lực lượng cách mạng trên mọi mặt hoạt động. Qua thực tế đấu tranh chính trị và đấu tranh tư tưởng, lực lượng cách mạng đã được mở rộng, đó là hàng triệu quần chúng công nông cùng với đông đảo tầng lớp trí thức, tiểu tư sản, tư sản và những thân sĩ thuộc tầng lớp trên diễn ra ở cả thành thị lẫn nông thôn. Phong trào cách mạng 1936-1939 đã chuẩn bị được đội quân chính trị hàng triệu người cho cuộc đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

1.2.4. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

1.2.4.1. Hoàn cảnh lịch sử, chủ trương chiến lược mới của Đảng

Ngày 01/9/1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, ngày 03/9/1939 Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Cuộc chiến tranh này đã tác động sâu rộng đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của tất cả các nước, và làm cho phong trào cách mạng ở thuộc địa phát triển. Tháng 6/1940, Đức tấn công Pháp, mặt trận Nhân dân Pháp tan vỡ. Pháp mất nước, lúc này ở Pháp có hai lực lượng chính trị: chính phủ của Thủ tướng Petain đầu hàng Đức; và lực lượng chính trị do tướng Đờ Gôn đứng đầu ra nước ngoài lập chính phủ lưu vong.

Ở Đông Dương, ngày 28/9/1939 Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lưu hành tài liệu của cộng sản và thực hiện chính sách thời chiến, tuyên bố đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật. Bọn Pháp ở thuộc địa thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương, thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy, giải tán các hội ái hữu, các nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các tổ chức này. Thanh niên Đông Dương bị tổng động viên, sung vào quân đội để đưa sang Pháp phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

Ngày 22/9/1940, phát xít Nhật vào xâm lược Đông Dương, ngày 23/09/1940 thực dân Pháp ở Đông Dương đầu hàng phát xít Nhật và cầu kết với Nhật để thống trị,

bóc lột và đàn áp nhân dân Đông Dương. Nhân dân ta một cổ hai tròng áp bức.

Chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã làm cho các tầng lớp, giai cấp bị biến đổi sâu sắc, đẩy nhân dân Đông Dương lâm vào cảnh ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam và bọn xâm lược ngày càng gay gắt.

Ngày 22/06/1941, Đức tấn công Liên Xô. Tính chất của cuộc chiến thay đổi. Tháng 12/1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Ngay khi Chiến tranh bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. Ngày 29/9/1939, Trung ương Đảng đã ra thông báo quan trọng, chỉ rõ: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”.

Tại Hội nghị TW 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11/1939) diễn ra tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) nhấn mạnh “chiến lược cách mạng tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới”. “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”. Khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” phải tạm gác và thay bằng các khẩu hiệu “chống địa tô cao”, “chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày”. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

Hội nghị TW 6 (11/1939) đã đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Sau Hội nghị TW 6, tháng 11/1940 Hội nghị TW 7 được triệu tập. Hội nghị đã phân tích kỹ tình hình chiến tranh thế giới, chuyển biến về kinh tế, chính trị ở Đông Dương và cho rằng: Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau. Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Hội nghị tháng 11-1939. Ưu điểm của Hội nghị TW 7 là đã chỉ rõ Pháp - Nhật và tay sai là kẻ thù cụ thể trước mắt; thành lập Mặt trận dân tộc phản đế; tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang để tiến tới bạo động giành chính quyền.

Sau 30 năm bôn ba ở hải ngoại, ngày 28/01/1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước và triệu tập Hội nghị TW 8 (5/1941), Hội nghị chỉ rõ: “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”

Hội nghị nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp -Nhật.

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương “phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa,

mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Trung ương Đảng khẳng định: “Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức.

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, mỗi nước có một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”, “Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng”.

Thứ tư, chủ trương tập hợp rộng rãi mọi lực lượng, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc”. Trong việc xây dựng các đoàn thể cứu quốc, “điều cốt yếu không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”.

Thứ năm, chủ trương khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng 5 cánh làm cờ tổ quốc.

Thứ sáu, xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân; từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.

Hội nghị TW 8 của Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị TW 6 tháng 11/1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị có ý nghĩa quyết định đến chiều hướng phát triển và thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945.

1.2.4.2. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

Hội nghị lần thứ 8 BCHTW Đảng đã hoàn thiện chủ trương chiến lược, soi đường dẫn lối cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Về lực lượng chính trị: ngày 25/10/1941 Mặt trận Việt Minh ra đời, sau đó là sự ra đời của tổ chức đoàn thể cách mạng như: Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Tự vệ cứu quốc..., toàn dân đã tích cực đứng trong hàng ngũ của mình, tham gia Mặt trận Việt Minh. Đảng chăm lo xây dựng và củng cố các tổ chức đảng, mở nhiều lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận. Tháng 2/1943, Ban thường vụ Trung ương bàn việc mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, đề ra các biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào rộng khắp,

nhấn mạnh công tác dân vận nhất là ở các thành phố lớn. Từ năm 1943-1945 phong trào cách mạng phát triển mạnh và đều khắp ở cả nông thôn lẫn đô thị. Ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng dần được phục hồi sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Nam kỳ (23/11/1940), các cơ sở đảng được xây dựng lại ở nhiều địa phương, tổ chức Việt Minh đã có cơ sở ở Sài Gòn, Gia Định, Tây Ninh. Phong trào của công nhân bãi công đòi tăng lương, chống nhổ lúa trồng đay, chống bắt phu, bắt lính,... nổ ra ở Hải phòng, Hà nội, Nam định, Sài Gòn đã lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia.

Về lực lượng vũ trang: Khi Pháp bị Nhật tiến đánh phải bỏ chạy qua đường Bắc Sơn - Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo các cơ sở đảng địa phương đã đứng dậy khởi nghĩa và chiếm lấy châu lỵ Bắc Sơn, đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Ở Hội nghị Trung ương 7 (tháng 11/1940), ta quyết định duy trì lực lượng vũ trang của khởi nghĩa Bắc Sơn, lực lượng này được đổi tên thành đội Cứu quốc quân, sau 8 tháng hoạt động gian khổ, một bộ phận Cứu quốc quân rút lên biên giới phía Bắc, bị địch phục kích nên tổn thất nặng, bộ phận còn lại phân tán lực lượng hoạt động tại chỗ, mở rộng địa bàn, xây dựng cơ sở chính trị. Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định lập đội vũ trang ở Cao Bằng nhằm thúc đẩy việc phát triển cơ sở chính trị và phát triển lực lượng vũ trang. Tháng 12/1941, Trung ương ra thông cáo Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng, chỉ rõ phải từ thực tế đấu tranh mà mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích để tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở khu du kích tiến lên phát động giành chính quyền khi có thời cơ. Ngày 22/12/1944 đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân được thành lập tại Cao Bằng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, lúc thành lập đội chỉ có 34 người. Mấy ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần (26/12/1944) thuộc tỉnh Cao bằng. Phương châm hoạt động của đội: chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến, nhằm kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Về xây dựng căn cứ địa cách mạng: Đảng chủ trương xây dựng căn cứ địa một cách toàn diện, trước hết phải vững mạnh về chính trị, từ vững mạnh về chính trị mà từng bước hình thành và phát triển lực lượng vũ trang. Vùng Bắc Sơn - Vũ Nhai là căn cứ địa đầu tiên của cách mạng, sau đó là vùng Cao Bằng, năm 1941 Nguyễn Ái Quốc chỉ thị mở rộng căn cứ địa Cao Bằng. Tháng 10-1943 hai trung tâm Cao Bằng và Bắc Sơn - Vũ Nhai được nối liền trở thành hai vùng căn cứ địa rộng lớn ở Việt Bắc, nhiều đội du kích ra đời.

Về văn hoá tư tưởng, Đảng và Mặt trận Việt Minh đã cho xuất bản nhiều tờ báo: Giải phóng, Cờ giải phóng, Cứu quốc, Độc lập...nhằm đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền đường lối cứu nước và chủ trương chính sách của Đảng. Những hoạt động báo chí cách mạng đã trở thành một vũ khí sắc bén để cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng. Năm 1943, Đảng đưa ra “Đề cương văn hóa Việt Nam” nhằm xây dựng nền văn hóa mới với 3 nguyên tắc: “Dân tộc - Khoa học - Đại chúng”. Tháng 6-1944, Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập nhằm tập hợp trí thức yêu nước và tư sản tiến bộ. Cuối năm 1944, Hội văn hóa cứu quốc ra đời, các tổ chức này đã gia nhập Mặt trận Việt Minh đấu tranh giành độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1.2.4.3. Cao trào kháng Nhật cứu nước và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ 03/1945-08/1945

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô đã đẩy lùi quân Đức ra khỏi lãnh thổ và tiến về Berlin (Đức). Quân Anh - Mỹ mở mặt trận thứ hai đổ quân lên đất Pháp và tiến về Tây Đức quốc xã. Tháng 8/1944 Paris được giải phóng tướng Đờ Gôn lên nắm quyền.

Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh lùi quân Nhật ở Miến Điện. Quân Mỹ đổ quân lên Philipin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á của Nhật bị quân Đồng minh không chế, nên sông chết Nhật phải giữ con đường bộ duy nhất từ Mãn Châu xuyên qua Đông Dương xuống Đông Nam Á.

Ở trong nước, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết chuẩn bị, chờ thời cơ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ nổi dậy tiến công Nhật, khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. Nhật biết rõ những hành động của Pháp nên quyết định hành động trước. Vào lúc 20 giờ 20 phút ngày 9/03/1945, quân đội Nhật nổ súng đồng loạt, lật đổ chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt một vài nơi rồi nhanh chóng đầu hàng. Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp nổ ra giữa lúc Ban thường vụ TW Đảng đang họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh). Trong bối cảnh đó, Hội nghị đã làm việc khẩn trương, nhận định về cuộc đảo chính và khả năng diễn biến của tình hình. Ngày 12/3/1945 Ban thường vụ TW Đảng ra chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, chỉ thị đã nhận định tình hình, xác định kẻ thù, nêu ra nhiệm vụ trước mắt và dự kiến thời cơ cho cách mạng, Chỉ thị là kim chỉ nam cho toàn Đảng và Mặt trận Việt Minh trong cao trào chống Nhật, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cách mạng.

Từ giữa tháng 3/1945 trở đi cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ, phong phú về nội dung lẫn hình thức, đấu tranh vũ trang kết hợp với khởi nghĩa từng phần. Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và trung du Bắc kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện thuộc các tỉnh Cao - Bắc - Lạng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang, Quảng Ngãi... cán bộ cách mạng bị giam trong các nhà tù nổi dậy vượt ngục, bổ sung c.bộ cho p/trào...

Ngày 15/04/1945, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ chủ trương đặt nhiệm vụ quân sự lên tất cả các nhiệm vụ khác, quyết định thống nhất tất cả các lực lượng vũ trang với tên gọi là “Việt Nam giải phóng quân”. Ngày 16/4/1945, tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam. Tháng 5/1945 Hồ Chí Minh về Tuyên Quang lập căn cứ tại Tân Trào, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước.

Ngày 4/6/1945, khu giải phóng được thành lập gồm 6 tỉnh: Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang - Hà Giang và một số vùng lân cận. Các cuộc khởi nghĩa từng phần liên tục nổ ra ở khu giải phóng và một số địa phương. Trong thành phố lớn, các đội danh dự của Việt Minh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc và lực lượng tự vệ cứu quốc. Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đã phát triển phong trào kháng Nhật mạnh mẽ: Phá kho thóc giải quyết nạn đói. Tại nhiều địa phương khác, quần chúng tự vũ trang, những cuộc đấu tranh với binh lính và chính quyền Nhật đã biến thành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ của nhân dân. Cao trào là một nét điển hình và sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo và tổ chức lực lượng

tiến lên tổng khởi nghĩa ở một nước thuộc địa trong thời kỳ tiền tổng khởi nghĩa.

Vào ngày 09/05/1945, phát xít Đức đầu hàng quân đồng minh, chiến tranh thế giới thứ hai đi vào giai đoạn kết thúc. Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đội quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu. Ngày 06/08/1945, và ngày 09/08/1945, Mỹ đã ném hai quả bom nguyên tử vào Hiroshima và Nagasaki, ngày 12/08/1945, chính phủ Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện trên chiến hạm Missouri của Hải quân Hoa Kỳ. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

Trong bối cảnh đó, ngày 12/8/1945 Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13-15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập. Lệnh tổng khởi nghĩa được phát ra ngay đêm đầu tiên của Hội nghị. Vào lúc 23 giờ ngày 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa ra quân lệnh số 1. Khẩu hiệu đấu tranh: Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân! Hội nghị xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời. Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ hàng trước khi đánh, phải thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ.

Ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào ủng hộ chủ trương tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, định ra quốc ca, quốc kỳ. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam được thành lập và bầu Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Trong vòng hơn 2 tuần lễ từ ngày 14/8/1945 - 30/8/1945 nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến hành Tổng khởi nghĩa giành được chính quyền trong cả nước.

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập trước nhân dân Việt Nam và toàn thế giới tuyên bố khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, một nước Việt Nam độc lập tự do.

1.2.5. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

1.2.5.1. Tính chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc có tính chất dân chủ mới, là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam. Cách mạng tháng 8/1945 đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giải quyết được mâu thuẫn của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, đáp ứng được yêu cầu khách quan của lịch sử, ý chí và nguyện vọng của đại đa số nhân dân Việt Nam. Vì thế đã đoàn kết huy động được tất cả các thành phần, giai cấp trong xã hội cùng vùng lên đấu tranh để giành lấy độc lập, tự do.

1.2.5.2. Ý nghĩa

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, Cách mạng tháng 08/1945 là một trong những trang sử vẻ vang nhất, chói lọi nhất, là bước ngoặt vĩ đại nhất của dân tộc ta. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của truyền thống bất khuất quật cường của dân tộc ta được đúc kết từ hàng ngàn năm lịch sử, là kết quả của hơn 8 thập kỷ đấu tranh chống thực dân giải phóng dân tộc và là thành quả trực tiếp của 15

năm đấu tranh kiên cường của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ ách thống trị trong 87 năm của thực dân Pháp và lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật tồn tại trong 5 năm, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót ngàn năm, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, đưa nước ta từ nước thuộc địa đã trở thành một nước độc lập tự do. Cách mạng Tháng Tám đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do kỷ nguyên tiến lên Chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám đã đưa Đảng ta từ một Đảng hoạt động bí mật, trở thành một Đảng cầm quyền, lãnh đạo cách mạng trên phạm vi toàn quốc, dẫn dắt dân tộc tiến lên xây dựng đất nước Việt Nam ngày một vững mạnh.

Đối với thế giới, Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình trên thế giới, lần đầu tiên một dân tộc thuộc địa, bị áp bức đã giành thắng lợi, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

Cách mạng Tháng Tám là tấm gương, là bài học cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trên thế giới đấu tranh vì độc lập tự do.

Cách mạng Tháng Tám chứng tỏ rằng ở một nước thuộc địa với đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo, dưới sự lãnh đạo khéo léo, tài tình của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh chắc chắn sẽ giành được thắng lợi.

1.2.5.3. Bài học kinh nghiệm

Cách mạng Tháng 8/1945 đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

- Luôn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ: độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất, phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng.

- Phải huy động được sức mạnh của toàn dân tộc để làm cách mạng, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Với việc hình thành Mặt trận Việt Minh, Đảng đã phát triển thành công khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đảng cần nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng. Luôn ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp sự nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang ở trên các địa bàn, nhanh chóng chớp thời cơ để đưa cách mạng tiến lên.

- Phải nắm vững công tác xây dựng Đảng thành một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng, gắn bó mật thiết, gần gũi với quần chúng. Đảng phải luôn đổi mới, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, kịp thời tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận từ thực tiễn của đất nước. Đảng cần coi trọng vai trò nêu gương của cán bộ

lãnh đạo cấp chiến lược của Trung ương Đảng, của đảng bộ địa phương; coi trọng sự quán triệt đường lối trong đảng viên và quần chúng cách mạng.

Câu hỏi ôn tập Chương 1

1. Tại sao trong quá trình tìm đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho cách mạng Việt Nam?
2. Vì sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của ba yếu tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước?
3. So sánh Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và Luận cương chính trị tháng 10/1930 và rút ra nhận xét?
4. Chứng minh sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố dẫn đến sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng dân tộc (1930-1945).
5. Nêu tính chất, ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

CHƯƠNG 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

MỤC TIÊU

Mục tiêu kiến thức: Nhận thức đầy đủ và có hệ thống nội dung lịch sử về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.

Mục tiêu tư tưởng:

- Giúp người học nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.

- Giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tin, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc.

- Góp phần nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Về kỹ năng: trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

Kết cấu chương 2 gồm 2 phần:

- Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

- Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

2.1.1.1. Bối cảnh lịch sử sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Thuận lợi

Quốc tế: Sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ II, cục diện khu vực và thế giới có những sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông Trung Âu, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao.

Trong nước: Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới. Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ quốc, nhân dân.

- Khó khăn

Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài.

Hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thôn, yếu kém về nhiều mặt

Hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề: kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 làm 2 triệu người dân chết đói.

Thù trong giặc ngoài cùng lúc xuất hiện: Từ tháng 9-1945, theo thỏa thuận của phe Đồng minh, 2 vạn quân đội Anh-Ấn đổ bộ vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thua trận ở phía Nam Việt Nam. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng đội quân Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ) vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam. Ở Bắc vĩ tuyến 16, từ cuối tháng 8-1945, hơn 20 vạn quân đội của Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa dân quốc) tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam với danh nghĩa quân đội Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc “diệt Cộng, cầm Hồ”, phá Việt Minh. Trong khi đó, trên đất nước Việt Nam vẫn còn 6 vạn quân đội Nhật Hoàng thua trận chưa được giải giáp.

Tình hình đó đã đặt nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”. Tổ quốc lâm nguy!

2.1.1.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

- Chủ trương của Đảng

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt, là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, với nội dung cơ bản sau:

(1) Xác định rõ: “kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”¹; nêu rõ mục tiêu của cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là “dân tộc giải phóng” và đề ra khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”; mọi hành động phải tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt “là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”².

(2) Đề ra nhiều biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, phức tạp hiện thời của cách mạng Việt Nam, trong đó nêu rõ cần nhanh chóng xúc tiến bầu cử Quốc hội để đi đến thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr. 26

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr. 26

về chính trị; về ngoại giao phải đặc biệt chú ý “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”; đối với Tàu Tưởng nêu chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”, “đặc biệt chống mọi mưu mô phá hoại chia rẽ của bọn Trótxkit, Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng”¹.

Những quan điểm và chủ trương, biện pháp được Đảng nêu ra trong bản Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc đã đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ; có tác dụng định hướng tư tưởng, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn đầy khó khăn, phức tạp này.

- Biện pháp và kết quả thực hiện

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói: Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào lớn, các cuộc vận động, như: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với kế hoạch tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa; lập hũ gạo tiết kiệm; tổ chức Tuần lễ vàng, gây Quỹ độc lập, Quỹ đảm bảo quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ, thực hiện chính sách giảm tô 25%. Nhờ đó, sản xuất lương thực tăng lên rõ rệt, cả về diện tích và sản lượng hoa màu. Một số nhà máy, công xưởng, hầm mỏ được khuyến khích đầu tư khôi phục hoạt động trở lại. Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi.

Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ: Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào “Bình dân học vụ”, toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn dốt; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng: Ngày 6-1-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử và có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên. Bầu cử thành công đã bầu ra 333 đại biểu Quốc hội đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên tại Nhà hát lớn Hà Nội vào ngày 2-3-1946 và lập ra Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946).

Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng nhằm tăng cường thực lực cách mạng, tập trung chống Pháp ở Nam Bộ. Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập do Huỳnh Thúc Kháng làm hội trưởng, Tôn Đức Thắng làm hội phó; thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh;... Lực lượng vũ trang cách mạng được củng cố và tổ chức lại, cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam...

2.1.1.3. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr. 27

Đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ). Sáng 23-9-1945, Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đã nhanh chóng thống nhất, đề ra chủ trương hiệu triệu quân, dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống xâm lược Pháp. Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã nêu cao tinh thần chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ” nhất loạt đứng lên dùng các loại vũ khí thô sơ, tự tạo, gây tầm vông, giáo mác chống trả hành động xâm lược của thực dân Pháp, kiên quyết bảo vệ nền độc lập, tự do và chính quyền cách mạng.

Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26-9-1945, những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất đã lên đường Nam tiến chi viện cho Nam Bộ; Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khích lệ, động viên đồng bào Nam Bộ kháng chiến, tuyên dương và tặng nhân dân Nam Bộ danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”.

Nhằm làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng. Để tránh mũi nhọn tấn công của các kẻ thù, Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật bằng việc ra “Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý giải tán, ngày 11-11-1945”. Chính phủ Việt Nam đồng ý việc đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân đội Tưởng khi ở Việt Nam và nhân nhượng cho quân Tưởng được sử dụng đồng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương; chấp nhận mở rộng thành phần đại biểu Quốc hội, đồng ý bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt Cách, Việt Quốc;...

Đầu năm 1946, Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (còn gọi là Hiệp ước Hoa-Pháp, ngày 28-2-1946), trong đó có nội dung thỏa thuận để Pháp đưa quân đội ra Bắc vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước. Và đổi lại Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam.

Trước sự thay đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình, Thường vụ Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh đã nhận định, đánh giá âm mưu, ý đồ chính trị của Pháp và Tưởng và ra bản Chỉ thị *Tình hình và chủ trương*, ngày 3-3-1946. Trong đó nêu rõ: “Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình, biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng”¹ và chủ trương tạm thời “dàn hòa với Pháp”, thúc đẩy nhanh quân Tưởng về nước, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ngày 6-3-1946, tại Hà Nội Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội là J.Xanhtony bản Hiệp định Sơ bộ. Hiệp định Sơ bộ nêu rõ: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; về phía Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt-Pháp...

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr. 44-45

Ngay sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra ngay bản Chỉ thị *Hòa để tiến* phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình. Chỉ thị nêu rõ: Cần phải tiếp tục nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhục tinh thần quyết chiến của dân tộc ta, nhất là đối với đồng bào Nam Bộ và các chiến sĩ ngoài mặt trận...

Từ ngày 19-4 đến ngày 10-5-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam và Pháp gặp nhau tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Từ ngày 31-5-1946, theo lời mời của Quốc hội và Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Chính phủ Việt Nam thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp. Cũng trong thời gian này, phái đoàn Quốc hội Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đi thăm thân thiện và tham dự đàm phán chính thức giữa hai bên Việt-Pháp tại Hội nghị Phôngtenoblô (Pháp) từ ngày 6-7 đến ngày 10-9-1946, song không thành công vì vấp phải lập trường hiếu chiến và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp. Với thiện chí hữu nghị, hòa bình, nhân nhượng và để đảm bảo an toàn cho phái đoàn đại biểu Việt Nam rời Pháp, ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với M.Mutê đại diện Chính phủ Pháp một bản Tạm ước 14-9 tại Mácxây (Pháp), đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng, tinh thần quyết đoán, sáng tạo của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong những năm đầu chính quyền cách mạng non trẻ đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

2.1.2 Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

2.1.2.1. Bối cảnh lịch sử và nội dung đường lối kháng chiến của Đảng

- Bối cảnh lịch sử

Cuối tháng 10-1946, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Việt Nam đã bộc lộ rõ thái độ bội ước, tiếp tục đẩy mạnh tăng cường bình định ở các tỉnh Nam Bộ, xúc tiến tái lập Nam kỳ tự trị; gây hấn, khiêu khích, gây xung đột quân sự, lấn chiếm nhiều vị trí ở nơi đóng quân ở Bắc bộ Việt Nam; đặt lại nền thống trị ở Campuchia và Lào, chia rẽ ba nước Đông Dương.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Trong các ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính của ta; bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18-12, đại diện

Pháp ở Hà Nội đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp; giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố...

Vì vậy, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám vừa giành được.

- Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng

Ngày 12-12-1946, Trung ương ra Chỉ thị “*Toàn dân kháng chiến*”. Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông (Hà Nội) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!...”¹.

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện mệnh lệnh của Chính phủ, bắt đầu từ 20 giờ ngày 19-12-1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947, trong đó tập trung ở các văn bản: Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (12-12-1946), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh (8-1947),... Nội dung cơ bản của đường lối là:

(1) *Về mục tiêu của cuộc kháng chiến*: là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

(2) *Kháng chiến toàn dân*: là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, “mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận”. Trong đó quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

(3) *Kháng chiến toàn diện*: là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, tr. 534.

viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

(4) *Kháng chiến lâu dài*: Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

(5) *Kháng chiến dựa vào sức mình là chính*: Là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Đường lối đúng đắn của Đảng đã trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

2.1.2.2. *Quá trình tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1946 đến năm 1950*

Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút ngày 19/12/1946, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Các lực lượng vũ trang Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu, Công an xung phong nhất loạt tấn công các vị trí đóng quân của Pháp trong thành phố. Cuộc chiến đấu ở mặt trận Hà Nội là quyết liệt nhất, diễn ra liên tục trong suốt 60 ngày đêm khói lửa. Nhiều trận đánh ác liệt, giằng co, quyết tử, một mất một còn giữa ta và Pháp ở nhà Bắc Bộ phủ, nhà Bưu điện Bờ Hồ, chợ Đồng Xuân, ga Hàng Cỏ, sân bay Bạch Mai, Ô Cầu Dền... là tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu bất khuất, kiên cường “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của quân dân cả nước. Quân ta đã chống trả quyết liệt, đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não, lãnh đạo của Trung ương và nhân dân rút ra ngoại thành; hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố, bước đầu làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp.

Tại Đà Nẵng, Huế, Vinh, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang và các địa phương khác, quân và dân ta cũng đồng loạt nổ súng tấn công vào các vị trí đóng quân của địch trong các đô thị, ngăn chặn địch trên các tuyến giao thông, đánh phá các cơ sở hạ tầng chiến tranh của địch; kìm giữ chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng xung quanh thành phố, thị xã, thị trấn; tiếp tục di chuyển nhân tài, vật lực lên các khu căn cứ địa và ATK...

Thu Đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân, gồm cả ba lực lượng chủ lực lục quân, hải quân và không quân, hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc, trong đó có mũi thọc sâu, đột kích nhảy dù xuống trung tâm thị xã Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, hòng bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh. Để đối phó

với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, trong đó nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, oanh liệt, đến ngày 21-12-1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đánh hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, bắn chìm nhiều tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xây dựng thực lực kháng chiến được tăng cường. Các ngành, các giới, các đoàn thể phát động rộng rãi, mạnh mẽ và tổ chức sâu rộng nhiều cuộc vận động thi đua ái quốc theo Lời kêu gọi Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra ngày 11-6-1948. Nhiều loại hàng hóa cần thiết cho đời sống của bộ đội và nhân dân được sản xuất và tự cấp, tự túc kịp thời, như: vải vóc, giấy, thuốc chữa bệnh, nông cụ... Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức (7-1948) đã nhất trí thông qua đường lối, phương châm xây dựng nền văn hóa mới mang tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Tàn tích văn hóa thực dân, phong kiến từng bước được xóa bỏ, hình thành các giá trị văn hóa mới; công tác cải cách nền giáo dục quốc gia cũng thu được những kết quả tích cực.

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô và sau đó lần lượt Chính phủ Trung Quốc (18-1-1950), Liên Xô (30-1-1950) và các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu, Triều Tiên (2-1950) công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; ủng hộ, giúp đỡ, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương “mở rộng mặt trận Lào-Miên”, thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu Việt-Miên-Lào để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu.

Tháng 11-1949, Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Lực lượng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) được phát triển nhanh chóng và trưởng thành về mọi mặt, số lượng bộ đội tăng lên 23 vạn người, trong đó có 40.000 đảng viên; số dân quân tự vệ và du kích lên đến 3 triệu người. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta đã hơn hẳn địch¹, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội.

Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp. Ngày 9-1-1950, 3.000 sinh viên Sài Gòn biểu tình, Trần Văn Ôn hy sinh. Ngày 19-3-1950, hơn 500.000 người dân Sài Gòn biểu tình chống Mỹ khi Mỹ đưa tàu chiến tới Cảng Sài Gòn.

Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt-Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới. Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở từ ngày 16-9 đến 17-10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng

¹ Quân đội ta có 2 Đại đoàn (304 và 308), 2 Trung đoàn chủ lực và 12 Trung đoàn chủ lực của Liên khu. Quân đội Pháp ở Việt Nam lúc này chỉ có 12 Tiểu đoàn cơ động chiến lược.

vây”. Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi 1951-1954

2.1.3.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 766.000 đảng viên toàn Đảng.

Đại hội lần thứ hai của Đảng được tiến hành trong bối cảnh Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ở trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực. Điều kiện lịch sử đó đặt ra cho Đảng Cộng sản Đông Dương các yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng phù hợp với mỗi nước ở Đông Dương để đưa kháng chiến đi đến thắng lợi.

- Nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam, được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: Do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* của đồng chí Trường Chinh, Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng của đồng chí Lê Văn Lương...

Báo cáo chính trị đã tổng kết phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau; rút ra bài học trong 21 năm hoạt động của Đảng. Báo cáo vạch rõ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của báo cáo được phản ánh trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

(1) *Xác định tính chất của xã hội Việt Nam* lúc này có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế

quốc xâm lược. Đối tượng đấu tranh chính của Việt Nam hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và phong kiến phản động.

(2) *Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam* được xác định là: “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”. Nhưng nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

(3) *Động lực của cách mạng Việt Nam* được xác định gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó lấy nền tảng là giai cấp công, giai cấp nông và lao động trí óc; giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

(4) *Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nên nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quá trình lâu dài, có các giai đoạn phát triển tương ứng với những nhiệm vụ trung tâm, đó là: hoàn thành giải phóng dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện nay nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết và Ban Bí thư. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là “Đại hội kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”. Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc, đưa cả lý luận Xtalin, tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”¹.

- *Quá trình tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1951 đến năm 1954*

Để cứu vãn tình thế sau thất bại ở Chiến dịch Biên giới 1950, bọn hiếu chiến Pháp phải dựa vào sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ. Lợi dụng tình thế đó, đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương, vừa giúp Pháp, vừa tìm cơ hội để hắt cẳng Pháp. Chỉ riêng về ngân sách chiến tranh, viện trợ của Mỹ tăng dần từ 20% (năm 1950) lên 80% (năm 1954). Có thêm sự giúp đỡ của Mỹ, bọn hiếu chiến Pháp tìm mọi cách tăng thêm quân số, xây dựng thêm nhiều binh đoàn cơ động mạnh, liên tục thay đổi tổng tư

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 12, tr. 437.

lệnh quân đội viễn chinh ở Đông Dương và thực hiện nhiều kế hoạch phiêu lưu quân sự.

Với thể chủ động trên chiến trường, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch như: Chiến dịch Trung du (12-1950), Chiến dịch đường 18 (tháng 3-1951), Chiến dịch Hòa Bình (12-1951), Chiến dịch Tây Bắc (tháng 10-1952)... Trên địa bàn Nam Bộ, theo chỉ đạo của Xứ ủy, quân và dân Nam Bộ tích cực tiến công địch bằng các hình thức tập kích, phục kích, đánh đặc công, tiêu biểu là trận đánh vào khu hậu cần của Pháp ở Phú Thọ (Sài Gòn), ngày 8-5-1952, đốt cháy hơn 5 triệu lít xăng, phá hủy hơn 1.000 quả bom và diệt gọn một đại đội quân Pháp. Phát huy thắng lợi của các chiến dịch quân sự trong nước, Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào (gồm tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng), giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng khu căn cứ địa, phá thế bố trí chiến lược của thực dân Pháp ở Bắc Đông Dương.

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến. Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện các cải cách dân chủ, phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất. Nông dân đã được tạm cấp gần 180.000 héc ta ruộng đất vốn là của thực dân, địa chủ Việt gian, ruộng công, ruộng hoang hóa, vắng chủ. Tháng 11-1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ năm và Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ nhất quyết nghị thông qua Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam với 23 điều và nêu chủ trương: “phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất”, thực hiện người cày có ruộng, nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của người nông dân. Chủ trương đó đã tạo ra chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị ở nông thôn, thúc đẩy sức sản xuất phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân Việt Nam.

- Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Trên mặt trận quân sự:

Tháng 5-1953, Pháp cử Đại tướng Nava làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị-quân sự mới lấy tên là “Kế hoạch Nava”. Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng nhằm “chuyển bại thành thắng”. Nava chủ trương tăng cường tập trung binh lực, hình thành những “quả đấm thép” để quyết chiến với chủ lực của Việt Minh. Trong quá trình triển khai kế hoạch, Nava đã từng bước biến Điện Biên Phủ - một địa danh vùng Tây Bắc Việt Nam trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ và là tâm điểm của kế hoạch. Đến đầu năm 1954, Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một “pháo đài khổng lồ không thể công phá”, được giới quân sự, chính trị Pháp - Mỹ đánh giá là “một cỗ máy để nghiền Việt Minh”.

Để đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ. Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chúng ta tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta, giữ vững thể chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ

Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 12-1953, Bộ Tổng Tham mưu đã xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường và được Bộ Chính trị phê chuẩn. Trên cơ sở báo cáo quyết tâm của Tổng Quân ủy, cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 6-12-1953 đã quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ, ta mở nhiều cuộc tấn công địch đồng loạt trên các hướng chiến lược quan trọng, như: Lai Châu (12-1953); Trung Lào (12-1953), Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia (12-1953); mặt trận Tây Nguyên (1-1954); Thượng Lào (1-1954). Tại mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung bộ, Nam Bộ ta tổ chức đồng loạt tấn công địch, kết hợp phát động phá tề, trừ gian, mở các chiến dịch địch vận, nguy vận, phá hủy giao thông, đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích...

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện tiền tuyến, nhất là lực lượng nông dân, cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ủy ban chi viện tiền tuyến; Hội đồng cung cấp mặt trận Trung ương và các địa phương cũng được thành lập. Mọi nguồn nhân tài, vật lực, dân công tiếp tề, chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ được tăng cường với hàng vạn ngày công, hàng vạn tấn lương thực, đạn dược, vũ khí, phương tiện trang bị...

Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, ta đã tập trung khoảng 5 vạn quân với mọi nỗ lực và quyết tâm cao nhất bao vây chặt quân địch ở Điện Biên Phủ. Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”, ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu phía Bắc trung tâm Mường Thanh, mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tiến công lớn, vào hồi 17 giờ 30 phút chiều 7-5-1954, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Đờ Cátôri chỉ huy trưởng và Bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt và bị bắt sống. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang.

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội Nhân dân anh hùng. Với nước Pháp “Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây...”¹. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là “thiên sử vàng của dân tộc Việt Nam”, được ghi nhận là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX và “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân”².

Trên mặt trận ngoại giao:

¹ Jules Roy: *Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt của người Pháp*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 579.

² Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr. 90.

Ngày 7-5-1954, Điện Biên Phủ thất thủ, Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương với sự tham gia của các bên hữu quan gồm: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ba đoàn đại biểu của chính quyền thân Pháp là Vương quốc Campuchia, Vương quốc Lào và chính quyền Bảo Đại Việt Nam.

Ngày 21-7-1954, Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên (riêng phía đại biểu Mỹ không ký, nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định). Bản Tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương... Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ

2.1.4.1. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

(1) Ý nghĩa đối với Việt Nam: Bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị-xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

(2) Ý nghĩa đối với thế giới: Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của quân đội nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh với các trang bị vũ khí, công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của Pháp-Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử phát triển giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh.

2.1.4.2. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

(1) *Đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu.* Đường lối cơ bản là “kháng chiến và kiến quốc”; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện

thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

(2) *Kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến.* Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị-xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế.

(3) *Ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn.* Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách đánh địch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ đạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ động, “đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng”, thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định.

(4) *Xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị-quân sự của cuộc kháng chiến.* Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, con người lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng-chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc.

(5) *Coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận.* Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải luôn nâng cao nhận thức chính trị-tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo điều “tả” khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ đạo, tổ chức cuộc kháng chiến; tập trung cao độ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý đúng mức đến nhiệm vụ xây dựng và kiến quốc; giải quyết hài hòa, thỏa đáng mối quan hệ giữa huy động sức dân và bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

2.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc 1954-1965

2.2.1.1. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954-1960)

- Hoàn cảnh lịch sử sau tháng 7-1954

Về tình hình thế giới:

+ Thuận lợi: Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.

+ Khó khăn: Xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời Tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Về tình hình trong nước:

+ Thuận lợi: Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau 9 năm kháng chiến. Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước.

+ Khó khăn: Đất nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.

Như vậy, sau tháng 07-1954, đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Tình hình phức tạp nêu trên đã đặt Đảng ta trước một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

- Đảng lãnh đạo đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Sau khi miền Bắc được giải phóng, Trung ương Đảng đã chủ trương chuyển miền Bắc sang giai đoạn mới với nhận thức: sự kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa như các cương lĩnh của Đảng đã xác định.

Tháng 9-1954 Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau 9 năm chiến tranh.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc đấu tranh đòi đối phương phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng lịch trình quy định. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá như kích động, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư vào Nam, phá hoại, di chuyển máy móc nguyên vật liệu trái phép... Để chống lại âm mưu, thủ đoạn của địch và ổn định tình hình, Đảng và Nhà nước đã ban hành kịp thời nhiều chính sách chỉ đạo các địa phương thực hiện, như: chính sách đối với tôn giáo; chính sách đối với công chức, trí thức trước đây làm việc cho địch; chính sách đối với ngụy quân.

Trước tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, địch đã phải rút quân theo đúng Hiệp định. Ngày 10-10-1954, tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội, ngày 16-5-1955, toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp và tay sai đã phải rút khỏi miền Bắc.

Nhận rõ kinh tế miền Bắc cơ bản là nông nghiệp, Đảng đã chỉ đạo lấy khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đôi công, giúp nhau sản xuất, đồng thời, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp. Đến năm 1957, cơ bản nông nghiệp miền Bắc đã đạt được năng suất và sản lượng của năm 1939, năm cao nhất dưới thời Pháp thuộc. Nhờ đó nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Cùng với khôi phục sản xuất nông nghiệp, việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà máy mới được xây dựng. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Đảng chủ trương dựa hân vào bản cổ nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia đều cho dân cày nghèo. Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc đến đây bị xóa bỏ hoàn toàn. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất. Tuy nhiên, trong quá trình cải cách ruộng đất, ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức dân tộc đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn. Sai lầm này đã gây ra một số tổn thất đối với Đảng và quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 9-1956, đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong năm 1956-1957 đã được Đảng chỉ đạo, tiến hành một cách thành khẩn, kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ, nên từng bước đã khắc phục được những sai lầm đã xảy ra.

Đến tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Cũng như tư duy, nhận thức chung của các nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó, coi nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội là có 2 thành phần (quốc doanh và tập thể), Hội nghị đã xác định phải cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh, khuyến khích chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể.

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã là: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa, do vậy hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi

hóa và tổ chức lại lao động, để phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ rõ ba nguyên tắc cần được quán triệt trong suốt quá trình xây dựng hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Hội nghị chủ trương cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản, vẫn coi giai cấp tư sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc, dùng chính sách chuộc lại, thông qua hình thức công tư hợp doanh, sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp, dần dần cải tạo họ thành người lao động.

Kết quả của ba năm phát triển kinh tế-văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

- Đảng lãnh đạo cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

Từ năm 1954, lợi dụng sự thất bại của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam. Âm mưu xâm lược của Mỹ đối với miền Nam là biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam; xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam khi có điều kiện; biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.

Để thực hiện những âm mưu đó, Mỹ đã nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống, xây dựng lực lượng quân đội gần nửa triệu người cùng hàng vạn cảnh sát, mật vụ được trang bị, vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ. Địch vừa dụ dỗ lừa bịp vừa đàn áp, khủng bố với nhiều thủ đoạn thâm độc, dã man, ráo riết thi hành quốc sách “tổ cộng, diệt cộng”, lập “khu trù mật”, “khu dinh điền” nhằm mục đích bắt bớ, trả thù tất cả những người yêu nước kháng chiến cũ, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân. Theo số liệu thống kê của địch trong vòng 10 tháng (từ tháng 7-1955 đến tháng 5-1956) địch đã bắt và giết 108.835 người.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, từ tháng 7-1954, Đảng quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi đối phương phải thi hành Hiệp định, tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954), đã chỉ rõ: “Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ”.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 9-1954, nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính

trị làm Bí thư. Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, Lê Duẩn đã dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*, nêu rõ chế độ thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là một chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến. Để chống đế quốc Mỹ và tay sai, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác¹.

Từ năm 1958, kẻ địch càng đẩy mạnh khủng bố dã man, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung. Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”. Với luật 10/59, địch lê máy chém đi khắp miền Nam, dùng Tòa án quân sự đặc biệt để đưa thẳng người bị bắt ra xét xử và bắn giết tại chỗ. Chính sách khủng bố và chiến tranh đó đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam Việt Nam thêm gay gắt. Trước thực tiễn đó, tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã ra Nghị quyết về cách mạng miền Nam với tinh thần cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân... Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Từ giữa năm 1959, một số cuộc khởi nghĩa vũ trang và đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở Tà Lóc, Tà Léc (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận); Trà Bồng (Quảng Ngãi) và ở Gò Quảng Cung (Đồng Tháp)... Ngày 17-1-1960, ở Bến Tre, hình thức khởi nghĩa đồng loạt (đồng khởi) bắt đầu bùng nổ ở huyện Mỏ Cày, sau đó lan ra các huyện Minh Tân, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc các tỉnh Trung bộ. Hệ thống kìm kẹp của địch ở xã, ấp bị tê liệt và tan vỡ từng mảng lớn.

Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam* được thành lập, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Từ đây cách mạng miền Nam đã có một tổ chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng, nhân dân đoàn kết đấu tranh theo chương trình hành động 10 điểm, hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

2.2.1.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến các của cách mạng miền Nam (1961-1965)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960)

Thời gian, địa điểm:

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 17, tr. 785, 787.

Tháng 9-1960, *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III* của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”¹.

Nội dung cơ bản của Đại hội:

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,...

(1) *Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam:* Trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

(2) *Về mục tiêu chiến lược chung:* Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

(3) *Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể:* Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

(4) *Về hòa bình thống nhất Tổ quốc:* Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

(5) *Về triển vọng của cách mạng:* Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhận định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

(6) *Về xây dựng chủ nghĩa xã hội:* Xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, tr. 673.

tướng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; song thành công cơ bản, to lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã *hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

Đó chính là *đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế. Đặt trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế lúc đó, đường lối chung của Đảng còn là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

- Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)

Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965), nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp Thành Công (Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua “Ba nhất”... Đặc biệt, phong trào “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt” theo lời kêu gọi của Hồ Chí Minh.

Trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã không ngừng tăng cường chi viện cách mạng miền Nam. Tuy đường hành quân và vận tải theo dãy Trường Sơn còn nhiều khó khăn do đánh phá và địa hình hiểm trở, nhưng đã trở thành tuyến đường chiến lược huyết mạch nối hậu phương với chiến trường, liên tục có các đoàn cán bộ, chiến sĩ cùng vũ khí đạn dược bí mật đi “B” vào chi viện cách mạng miền Nam. Đường vận tải trên biển, những chiếc “tàu không số” chở hàng chục tấn vũ khí từ miền Bắc vào tận các căn cứ ven biển Phú Yên, Bà Rịa, Cà Mau,... cung cấp cho bộ đội, du kích chiến đấu. Tính chung, năm 1965 số bộ đội từ miền Bắc được đưa vào miền Nam tăng 9 lần, số vật chất tăng 10 lần so với năm 1961.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, “miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người

đều đổi mới”¹. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

- *Đảng lãnh đạo phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam:*

Từ năm 1961, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Với công thức “cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 ấp chiến lược là “quốc sách”. Chúng đã có hai kế hoạch quân sự-chính trị để thực hiện mục tiêu của chiến tranh đặc biệt là kế hoạch Stalay-Taylor (1961-1963) và Giôn-xơn-Mắc Namara (1964-1965). Chiến thuật quân sự được chúng áp dụng là “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”...

Tháng 1-1961 và tháng 2-1962, Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về “*Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*”. Tinh thần của chỉ thị là giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam đã giành được từ sau phong trào Đồng khởi, đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận. Trên thực tế, đây là quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng và chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng miền Nam là phải tiêu hao, tiêu diệt lực lượng quân đội Sài Gòn và làm phá sản quốc sách “ấp chiến lược” của địch.

Vượt qua khó khăn, cách mạng miền Nam tiếp tục có bước phát triển mới, tiêu biểu là chiến thắng vang dội ở Ấp Bắc (Mỹ Tho). Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ. Từ đầu năm 1963, sau chiến thắng Ấp Bắc, phong trào đấu tranh phá “ấp chiến lược” phát triển mạnh mẽ, với phương châm “bám đất, bám làng”, “một tác không đi, một ly không rời”². Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá “ấp chiến lược” phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ địch ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 1-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính đã giặc chết anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu. Từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

Được sự chi viện tích cực của miền Bắc, quân và dân miền Nam đã mở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường, như ở An Lão, Đèo Nhông-Dương Liễu, Việt An, Ba Gia (Khu V và khu vực Tây Nguyên, Trị Thiên), Bình Giả, Đồng Xoài (Nam Bộ). Chiến thắng Bình Giả (12-1964), Ba Gia (5-1965), Đồng Xoài (7-1965) đã sáng tạo một hình thức tiến công, phương châm tác chiến độc đáo ở miền Nam là: 2 chân (quân sự, chính trị), 3 mũi (quân sự, chính trị, binh vận), 3 vùng (đô thị, nông thôn đồng bằng, miền núi). Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị cũng phát triển sôi động, mạnh mẽ từ giữa năm 1963 trở đi. Các chiến dịch quân sự

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 14, tr. 275.

² Tính từ năm 1961 đến năm 1963, chúng ta đã phá hoàn toàn 2.895/6.161 ấp chiến lược của địch, giành quyền làm chủ 12.000/17.000 thôn, giải phóng 5/14 triệu dân.

và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba chỗ dựa chủ yếu của Mỹ là quân đội chính quyền Sài Gòn, hệ thống “áp chiến lược” và các đô thị bị lung lay tận gốc.

Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

2.2.2 Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1975

2.2.2.1. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

- Bối cảnh lịch sử

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền của Tổng thống Mỹ Giôn-xơn quyết định tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, đưa quân chiến đấu Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến, đóng vai trò chủ yếu trên chiến trường miền Nam; quân đội Sài Gòn đóng vai trò hỗ trợ quân Mỹ và thực hiện bình định. Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam. Chiến tranh lan rộng ra cả nước đã đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng.

- Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc và hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”¹, gồm các nội dung lớn là:

(1) *Nhận định tình hình và quyết tâm chiến lược*: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường. Cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược. Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

(2) *Mục tiêu chiến lược*: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam,

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tập 26, tr. 634.

hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

(3)*Phương châm chiến lược*: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

(4)*Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam*: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. “Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng”.

(5)*Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc*: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

(6)*Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền*: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965 với nội dung như trên thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang.

2.2.2.2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước 1965-1968

- *Lãnh đạo miền Bắc xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện miền Nam (1965-1968)*

Sau khi dựng lên “sự kiện vịnh Bắc bộ” nhằm lấy cớ, từ ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam. Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra rất ác liệt kể từ đầu tháng 2-1965, với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam; đe dọa ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc Việt Nam, buộc chúng ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đặt ra.

Theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh: *Một là*, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; *Hai là*, tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; *Ba là*, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; *Bốn là*, phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ cụ thể nói trên của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó đã được thể hiện trong Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, ngày 17-7-1966: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập, tự do”¹.

Thực hiện những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã đẩy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Thanh niên có phong trào “Ba sẵn sàng”, phụ nữ có phong trào “Ba đảm đang”, nông dân có phong trào “Tay cày tay súng”, công nhân có phong trào “Tay búa, tay súng”, trong chiến đấu có “Nhắm thẳng quân thù mà bắn”, trong chi viện tiền tuyến có “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, trong bảo đảm giao thông vận tải có “Xe chưa qua, nhà không tiếc”,... Đó thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hào hùng, sáng tạo với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”.

Do bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam-Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc, và ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Chuyển hướng kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh là nét đặc biệt chưa có tiền lệ. Sản xuất nông nghiệp không những không giảm sút mà còn có bước phát triển tiến bộ. Cơ sở việc-kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm. Đời sống nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt.

Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc, góp phần cùng quân dân miền Nam đánh bại cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Chỉ tính riêng trong năm 1967, đã có hơn 94.000 cán bộ, chiến sĩ (tăng 1,5 lần so với năm 1966) được tổ chức biên chế thành từng trung đoàn, sư đoàn bộ binh và binh chủng kỹ thuật bổ sung cho các chiến trường Trị Thiên, Khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ. Năm 1968,

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr. 131.

hơn 14 vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc hành quân vào Nam nhanh chóng tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

- Giữ vững thế tiến công chiến lược ở miền Nam, đánh bại Chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ (1965-1968)

“Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ tiến hành là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, mạnh nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai với sự tham gia của quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu.

Vào đầu mùa khô 1965-1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng Khu V và miền Đông Nam Bộ bao gồm cả vùng ngoại thành Sài Gòn. Mục tiêu của cuộc phản công này là “tìm diệt” quân giải phóng, giành lại quyền chủ động chiến trường, “bình định” các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng ở những địa bàn nói trên.

Theo đường lối kháng chiến của Đảng và được hậu phương miền Bắc ra sức chi viện, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu chống lại cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ và tay sai. Năm 1965, quân dân ta tập trung tìm hiểu đối phương, tìm cách đánh Mỹ. Quân và dân miền Nam đã đánh thắng quân chiến đấu Mỹ ở Núi Thành (5-1965), Vạn Tường (8-1965), Plâyme (11-1965)... , bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966, làm thất bại kế hoạch tìm và diệt, bình định nhằm giành quyền chủ động trên chiến trường của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Đến mùa khô 1966-1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề¹.

Trên mặt trận chống phá “bình định”, quân và dân các vùng nông thôn kiên trì phương châm “bốn bám”² và đẩy mạnh “ba mũi giáp công” đã chặn đánh quyết liệt các cuộc hành quân càn quét và bình định của Mỹ-ngụy. Kế hoạch lấn chiếm lại 50% nông thôn trong năm 1967 của chúng không thực hiện được, trái lại, 80% đất đai miền Nam nằm dưới quyền kiểm soát của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Đến cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng, đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra. Mặt khác, thất bại ở Việt Nam làm cho tình hình nước Mỹ ngày càng bất ổn, phong trào phản đối chiến tranh, đòi rút quân Mỹ về nước ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân. Kết hợp với những thắng lợi về quân sự và chính trị, ngày 28-1-1967, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bẻ gãy, mở ra cục diện vừa đánh, vừa đàm, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

¹ Có 175.000 quân Mỹ-ngụy và chư hầu bị loại khỏi vòng chiến đấu, 49 tiểu đoàn (28 tiểu đoàn Mỹ) bị tiêu diệt, 1.800 máy bay, 1.786 xe tăng và 100 tàu xuồng bị phá hủy, bắn cháy, bắn chìm.

² “Bốn bám”: Cáp trên bám cấp dưới, Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội du kích bám địch, đánh địch.

Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta vừa giành được đã mở ra cho cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam những triển vọng to lớn. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-Ngụy trên toàn miền Nam.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, thừa lúc địch sơ hở và hoàn toàn bất ngờ, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt một đã được phát động trên toàn miền Nam từ vĩ tuyến 17 cho đến mũi Cà Mau. Quân và dân ta đồng loạt tiến công địch ở 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận lỵ, chi khu quân sự, kho tàng, hầu hết các cơ quan đầu não địch ở trung ương và địa phương, căn cứ quân sự của Mỹ, từ Đường 9-Khe Sanh đến đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ vang dội là ở Sài Gòn-Gia Định, Huế.

Trong các đợt tiến công tiếp theo vào tháng 5 và tháng 8-1968, quân và dân ta đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng thêm hàng triệu đồng bào. Hàng triệu quân chúng đã nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ ở những mức độ khác nhau. Hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ Trung ương đến địa phương đều bị quân ta tiến công.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công chiến lược đánh vào tận hang ổ kẻ thù. Đây là thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt, khởi đầu quá trình đi đến thất bại hoàn toàn của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ phá sản. Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam từ ngày 13-5-1968 tại Pari. Tổng thống Mỹ Giôn-xon tuyên bố: ném bom hạn chế từ vĩ tuyến 20 trở ra phía Bắc (31-3) và sau đó ngừng hoàn toàn việc ném bom miền Bắc từ 1-11-1968; không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ thứ hai.

Bên cạnh đó, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động quân sự năm 1968, chúng ta đã phạm sai lầm chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế. Đặc biệt là sau đợt tấn công trong Tết Mậu Thân, ta đã không kiểm điểm, rút kinh nghiệm kịp thời, không đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch cũng như âm mưu đối phó của chúng, chủ trương tiếp tục mở các đợt tiến công vào đô thị. Địch đã phản kích quyết liệt, đẩy chủ lực ta ra xa khỏi các thành thị, các vùng ven, vùng đồng bằng, tiến hành bình định trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. Cách mạng miền Nam lâm vào thời kỳ khó khăn nghiêm trọng do bị tổn thất lớn về lực lượng và thế trận. “Tết Mậu Thân thắng rất lớn, mà nhất là đánh bại được ý chí xâm lược của Mỹ, tạo nên bước ngoặt quyết định của chiến tranh. Nhưng sau đó ta chuyển chậm, chủ trương tiếp tục các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện là sai lầm về chỉ đạo chiến lược, để địch gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất”¹.

¹ *Kết luận của Bộ Chính trị* họp ngày 23-4-1994. Xem Ban chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 160.

2.2.2.3. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước 1969-1975

- *Khôi phục kinh tế, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, chi viện miền Nam (1969-1975)*

Tranh thủ những thuận lợi mới do Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, từ tháng 11-1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, hưởng thọ 79 tuổi. Vĩnh biệt chúng ta, Người đã để lại một bản *Di chúc* lịch sử, là những lời căn dặn cuối cùng, những tình cảm và niềm tin của Người đối với thế hệ hiện tại và các thế hệ mai sau. Với lòng tưởng nhớ và biết ơn sâu sắc vị lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, trong buổi lễ truy điệu trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, trước anh linh của Người, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đọc Điều văn khái quát toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh và đọc lời thề son sắt, bày tỏ quyết tâm thực hiện đầy đủ những điều căn dặn trong *Di chúc* của Người.

Nhân dân miền Bắc đã khẩn trương bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong nông nghiệp, năm 1969 diện tích các loại cây trồng đều vượt năm 1968, riêng diện tích và sản lượng lúa tăng khá nhanh, lúa xuân tăng hai lần so với năm 1968, chăn nuôi cũng phát triển mạnh. Trong công nghiệp, hầu hết các xí nghiệp bị địch đánh phá được khôi phục, sửa chữa. Hệ thống giao thông, cầu phà, bến bãi được khẩn trương khôi phục và xây dựng thêm. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế có bước phát triển tốt so với trước, nhất là hệ thống giáo dục đại học, tăng lên 36 trường và phân hiệu với hơn 8 vạn sinh viên.

Từ tháng 4-1972, để ngăn chặn cuộc tập kích chiến lược của quân dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải thảm bom 12 ngày đêm bằng pháo đài bay B.52 tại Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Trước hành động chiến tranh điên cuồng của địch, Trung ương Đảng đã phát động quân dân miền Bắc nhanh chóng phát triển cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại đến đỉnh cao, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện miền Nam, giữ vững lập trường đàm phán. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã bình tĩnh, sáng tạo vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhất là trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Riêng trong 12 ngày đêm (từ 18 đến 30-12-1972) đánh trả cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ vào Hà Nội và Hải Phòng, quân và dân miền Bắc đã bắn rớt 84 máy bay, trong đó có 34 máy bay B.52 và 5 máy bay F.111A, bắt sống 43 giặc lái. Ngày 15-1-1973, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc nước ta.

Thắng lợi của quân dân cả nước đã buộc đế quốc Mỹ phải trở lại bàn đàm phán, ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973), công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất của nước Việt Nam, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc,...

- *Đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975)*

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, từ đầu năm 1969, Tổng thống Mỹ Níchxơn đã đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên “Học thuyết Níchxơn” với ba nguyên tắc trụ cột là: “cùng chia sẻ”; “sức mạnh của Mỹ” và “sẵn sàng thương lượng”. Níchxơn chủ trương thay chiến lược “chiến tranh cục bộ” bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, một chính sách rất thâm độc nhằm “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam” để tiếp tục cuộc chiến tranh thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

Trước âm mưu, thủ đoạn chiến tranh xảo quyệt của địch, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6-1970) đã đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch. Về mặt tác chiến, lưu ý trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân, tăng cường lực lượng vũ trang tại chỗ.

Năm 1971, quân và dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ - Ngụy đánh vào Đường 9-Nam Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia. Cũng vào thời gian này, quân và dân ta cùng với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971” của Mỹ-Ngụy đánh vào các hậu cứ kháng chiến tại Đông-Bắc Campuchia.

Vào mùa Xuân-Hè năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh. Cuộc tiến công chiến lược được bắt đầu từ hướng chủ yếu là Trị-Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, tiếp theo là các hướng Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, rồi đến đồng bằng Khu V và đồng bằng sông Cửu Long.

Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Paris đã kéo dài gần 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày 27-1-1973 với việc ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

Mặc dù phải ký kết Hiệp định Paris, chấp nhận rút quân khỏi Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố, không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam. Một trong những mục tiêu chiến tranh mà Mỹ-Ngụy đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973-1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ. Dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ngang ngược phá hoại hiệp định, liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta nhằm khủng bố đàn áp, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ, chống lại nguyện vọng hòa bình, hòa hợp dân tộc của nhân dân miền Nam, gây thêm nhiều tội ác đối với đồng bào ta.

Trước tình hình nghiêm trọng nói trên, tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng và nhấn mạnh: bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công. Nhiệm vụ giành

dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường, từ Trị-Thiên đến Tây Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch “bình định” của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng. Đặc biệt, cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (ngày 6-1-1975), giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không có khả năng đánh chiếm trở lại. Tình thế này chứng tỏ quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch, khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

Hội nghị Bộ Chính trị đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị đi tới nhận định: Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Từ nhận định đó, Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976 theo tinh thần là: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích-tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngoài kế hoạch nói trên, Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là nếu thời cơ đến, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là các đòn tiến công chiến lược lớn. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên, mở tiến công vào Thị xã Buôn Ma Thuột ngày 10-3-1975 đã giành được thắng lợi. Trước tình hình quân ta thắng lớn ở Tây Nguyên, cuộc họp Bộ Chính trị ngày 18-3-1975 đã quyết định: giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Phối hợp với chiến trường Tây Nguyên, ngày 21-3-1975, chiến dịch tiến công giải phóng Huế bắt đầu. Ngày 26-3, thành phố Huế được giải phóng. Ngày 26-3, chiến dịch tiến công giải phóng thành phố Đà Nẵng bắt đầu. Ngày 29-3, Đà Nẵng được giải phóng. Trên đà thắng lợi của mặt trận Tây Nguyên và Huế, Đà Nẵng, ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trước mùa mưa.

Sau khi tạo thế và lực, chuẩn bị khẩn trương kế hoạch tác chiến chiến dịch, ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn-Gia Định bắt đầu. Sau 4 ngày đêm tiến công dũng mãnh, vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng đã được cắm trên dinh Độc Lập. Toàn bộ lực lượng quân sự và bộ máy chính quyền địch ở Quân khu III, Quân đoàn III bị tiêu diệt. Sài Gòn được giải phóng. Ngày 2-5-1975, cuộc chiến đấu giải phóng các địa phương còn lại ở Đồng bằng sông Cửu Long và các đảo, quần đảo ở Biển Đông đã kết thúc thắng lợi¹.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra trong 55 ngày đêm từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975. Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng pháp phới

¹ Trừ quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc đánh chiếm từ quân đội Sài Gòn năm 1974.

bay trên nóc dinh Độc Lập. Toàn bộ chính quyền địch và các đảng phái phản động bị đập tan, toàn bộ lực lượng vũ trang địch bị tiêu diệt và tan rã. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân dân ta đã toàn thắng.

2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975

2.2.3.1. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng, bảo vệ miền Bắc

- Về thành tựu

Đảng đã luôn luôn trung thành và vận dụng đúng đắn những nguyên lý về xây dựng chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tế. Tùy theo từng giai đoạn, Đảng đã có các chủ trương và sự chỉ đạo năng động, sát đúng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của miền Bắc, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từng bước vượt qua khó khăn đi lên giành những thắng lợi quan trọng.

Đảng đã động viên, đoàn kết, tổ chức nhân dân miền Bắc kiên trì phấn đấu hoàn thành các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, thu được nhiều thành tựu đáng tự hào. Miền Bắc đã căn bản xóa bỏ được chế độ người bóc lột người; hình thành quan hệ sản xuất mới tiến bộ, thúc đẩy sản xuất phát triển; cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội được xây dựng bước đầu; văn hóa, xã hội lành mạnh, ưu việt; hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh; không có nạn đói, dịch bệnh dù chiến tranh ác liệt, kéo dài; quan hệ quốc tế mở rộng, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của thế giới,...

Với tiềm lực kinh tế và quốc phòng được xây dựng, cùng với việc tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế, miền Bắc chẳng những đứng vững trong chiến tranh, mà còn đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng kỹ thuật và phát triển hiện đại nhất của đế quốc Mỹ. Qua hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay trong đó có nhiều B.52, bắn cháy 271 tàu chiến, bắt hàng trăm giặc lái Mỹ.

Song song với những thành tựu đó, miền Bắc còn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia.

- Về hạn chế

Việc tổ chức thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra có nhiều vấn đề chưa kịp thời cụ thể hóa và vận dụng tốt vào các kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa..., chưa nắm vững và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng quan hệ sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất; Chủ quan, duy ý chí, giáo điều trong chỉ đạo cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiến hành công nghiệp hóa; Trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, chưa chú ý phát triển đúng mức kinh tế địa phương; Bộ máy quản lý và tổ chức thực hiện kém năng lực, pháp chế xã hội chủ nghĩa còn lỏng lẻo; Trong lĩnh vực lưu thông, phân phối, tài chính, ngân hàng, giá cả, tiền lương... có những nhận thức và thực hiện không đúng, làm cản trở việc đẩy mạnh sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

- Bài học kinh nghiệm:

Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975, cả ưu điểm và hạn chế, có thể rút ra một số kinh nghiệm lớn:

(1) Năm vững đặc điểm miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát huy tư duy độc lập trong xác định đường lối chung của cách mạng cả nước và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

(2) Xác định đúng nhiệm vụ, mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chỉ đạo chuyển hướng xây dựng miền Bắc chính xác, kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử.

(3) Có hình thức, bước đi, cách làm phù hợp với thực tế miền Bắc, kết hợp sự nỗ lực của miền Bắc với sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

(4) Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng, bảo vệ miền Bắc với chi viện tiền tuyến miền Nam, giữa cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2.2.3.2. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Ý nghĩa lịch sử

Ý nghĩa đối với Việt Nam: Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc thắng lợi 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược (tính từ năm 1954), 30 năm chiến tranh cách mạng (tính từ năm 1945), 117 năm chống đế quốc (tính từ năm 1858), quét sạch quân xâm lược, đưa lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước; đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; đã tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc ta trên trường quốc tế; Để lại niềm tự hào sâu sắc và những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước lâu dài về sau.

Ý nghĩa về mặt quốc tế: Đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, bảo vệ được tiền đồn phía Đông Nam Á của chủ nghĩa xã hội, mở rộng địa bàn cho chủ nghĩa xã hội; Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, gây tổn thất to lớn và tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ trước mắt và lâu dài; Làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

- Nguyên nhân thắng lợi

- Là do có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, người đại biểu trung thành cho những lợi ích sống còn của cả dân tộc Việt Nam, một Đảng có đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo.

- Là kết quả của cuộc chiến đấu đầy gian khổ hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là của đặc biệt, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước ở miền Nam ngày đêm đối mặt với quân thù, xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”.

- Là kết quả của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc vừa chiến đấu vừa xây dựng, hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương lớn, hết lòng hết sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Là kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia và kết quả của sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới cũng như nhân dân tiến bộ Mỹ.

- *Bài học kinh nghiệm:*

(1) Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

(2) Tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

(3) Trên cơ sở sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

(4) Coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

“Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹.

Câu hỏi ôn tập Chương 2

1. Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò như thế nào trong việc chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn thác ghềnh sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?

2. Tóm tắt nội dung đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945 – 1954?

3. Phân tích sự phát triển đường lối và quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975?

4. Trình bày nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954 – 1975?

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 37, tr. 471.

CHƯƠNG 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)

MỤC TIÊU

Kiến thức: giúp sinh viên nắm được đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.

Tư tưởng: củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018), củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay.

Kỹ năng: rèn luyện cho học viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Kết cấu chương 3 gồm 2 phần:

- Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

- Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước bước vào một giai đoạn mới với nhiều điều kiện thuận lợi: hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với một sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, những khó khăn mà đất nước phải đối mặt trong thời gian này cũng không ít như: những hậu quả nặng nề của chiến tranh, xuất phát điểm của đất nước về kinh tế- xã hội còn ở trình độ thấp, đất nước vẫn phải đối mặt với sự bao vây cấm vận và sự phá hoại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Diễn biến của tình hình thế giới có những thuận lợi nhưng đồng thời cũng xuất hiện những khó khăn và thách thức mới khi các nước xã hội chủ nghĩa đều bộc lộ những khó khăn về kinh tế- xã hội và sự phát triển.

- Đảng lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước

Để dẫn dắt đất nước bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã đặt nhiều nhiệm vụ cấp bách nhưng nhiệm vụ cấp thiết nhất lúc này là Đảng phải lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam. Xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, dưới sự chỉ đạo của Đảng, từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của

hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

Thực hiện chủ trương đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 23 triệu cử tri, đạt tỷ lệ 98,77% tổng số cử tri đi bầu, đã bầu ra 492 đại biểu gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang, các đại biểu tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc ít người và các tôn giáo,... trên cả nước. Thắng lợi của công việc bầu cử thể hiện ý chí đoàn kết toàn dân tộc quyết tâm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước; Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội quyết định thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội đều được thống nhất trên cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

3.1.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1976-1981)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV:

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng;

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr. 623.

quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc.

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học- kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”¹. Trong đường lối chung thể hiện nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm 4 đặc trưng cơ bản là: xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng cũng đưa ra quan điểm: Việt Nam có đủ điều kiện đi lên và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhưng đó là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải phát huy cao độ tính chủ động, tự giác, sáng tạo trong quá trình cách mạng.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 37, tr. 998.

Với những phân tích ở trên, có thể thấy Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- *Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng:*

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông.

Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) được xem là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Theo đó, Hội đồng Chính phủ ra quyết định (10-1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hóa được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm; quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường. Cùng với đó, Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp cũng tạo động lực cho nông nghiệp phát triển. Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.

Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP (1-1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Những chủ trương trên đã tạo nên động lực mới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

- *Đảng lãnh đạo bảo vệ Tổ quốc:*

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hòa bình, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ để xây dựng đất nước. Song chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá, buộc Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Từ tháng 4-1975, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tăng cường chống Việt Nam. Cuối tháng 12-1978, chính quyền Pôn Pốt huy động tổng lực tiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam với mục tiêu nhanh chóng tiến sâu vào nội địa Việt Nam. Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân Việt Nam đã đánh trả, tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi. Thử thách của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia, từ ngày 26-12-1978, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp chặt chẽ cùng quân dân Campuchia tổng tiến công, đến ngày 7-1-1979 giải phóng Phnôm Pênh, xóa bỏ tập đoàn diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam sẽ có mặt ở Campuchia để giúp

bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Hành động đó của Việt Nam xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng khi bị tấn công được ghi trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận.

Trong mối quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam luôn ghi nhớ và biết ơn sự ủng hộ, giúp đỡ của nước bạn trong kháng chiến chống Pháp xâm lược và chống Mỹ, cứu nước (1945-1975), nhưng việc Trung Quốc dùng vũ lực chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam năm 1974, việc rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lấn chiếm dần đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam từ năm 1978 đã làm cho quan hệ Trung Quốc - Việt Nam xấu đi rõ rệt. Ngày 17-2-1979, được sự hậu thuẫn của Mỹ, Trung Quốc huy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những thiệt hại rất nặng nề. Ngày 5-3-1979, Chủ tịch Tôn Đức Thắng ra lệnh Tổng động viên toàn quốc. Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cường chiến đấu bảo vệ đất nước. Ngày 5-3-1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân và đến ngày 18-3-1979 quân Trung Quốc đã rút hết quân về nước. Từ ngày 18-4-1979 về sau, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác, khôi phục hòa bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Cũng thời gian này, quân dân cả nước đã đấu tranh thắng lợi chống lực lượng phản động ở Tây Nguyên FULRO, lực lượng lưu vong xâm nhập về nước, đã bảo vệ vững chắc mọi thành quả của cách mạng.

Nhìn lại, sau 5 năm (1975-1981), quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới và đã khắc phục một phần hậu quả chiến tranh và thiên tai liên tiếp gây ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản việc xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, phong kiến. Ở miền Bắc, bước đầu có sự cải tiến đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn với các đội chuyên, làm khoán. Tuy nhiên, kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra: lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4 - 5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “xé rào”, “khoán chui”. Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng...

Những khó khăn trên có nguồn gốc sâu xa từ nền kinh tế thấp kém, thiên tai nặng nề liên tiếp xảy ra, chiến tranh biên giới và chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của Mỹ và các thế lực thù địch. Tuy nhiên về chủ quan, do những khuyết điểm, sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn trên. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tự phê bình về những khuyết điểm và sai lầm đó trước Đại hội V của Đảng.

- Hạn chế của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV:

Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, vừa làm nhiệm vụ chi viện

cho chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Trong điều kiện đó không thể áp dụng đầy đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

3.1.2.1. Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử

Đại hội V của Đảng họp tại Hà Nội (từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982) trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế.

3.1.2.2. Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V

Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi và khó khăn của đất nước, những biến động của tình hình thế giới; khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra. Ngoài thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, xây dựng Đảng,... Đại hội V đã bổ sung đường lối chung do Đại hội IV đề ra những quan điểm mới như: khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược, có quan hệ mật thiết với nhau là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý. Những nhận thức trên phù hợp với thực tiễn nước ta, khai thác và phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề,... làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho chặng đường tiếp theo.

Đại hội V đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại. Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

- Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều Hội nghị cụ thể hóa, thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nổi bật là Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông; Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm; Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6-1985) chủ trương xóa quan liêu bao cấp trong giá và lương. Đặc biệt, Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Trong đó, Đảng khẳng định:

Về cơ cấu sản xuất: cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa: phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

Về cơ chế quản lý kinh tế: bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: đổi mới kế hoạch hóa theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hóa - tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V

Tổng kết 10 năm 1975-1986, Đại hội VI của Đảng (12-1986) nêu 3 thành tựu nổi bật: (1) thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước; (2) đạt

được những thành tựu quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; (3) giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Những thành tựu trên đã tạo cho cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên. Tuy nhiên sai lầm, khuyết điểm nổi bật là không hoàn thành các mục tiêu do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; nền kinh tế luôn trong tình trạng thiếu hụt, không có tích lũy; lạm phát tăng cao và kéo dài. Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin đối với Đảng, Nhà nước, chế độ giảm sút nghiêm trọng.

Nguyên nhân khách quan dẫn đến khủng hoảng kinh tế-xã hội do xây dựng đất nước từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bị bao vây, cấm vận nhiều năm, nguồn viện trợ từ nước ngoài giảm mạnh; hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì chiến tranh ở biên giới ở hai đầu đất nước làm nảy sinh những khó khăn mới. Về chủ quan là do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong

3.2. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996

3.2.1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Ngày 10-7-1986, Tổng Bí thư Lê Duẩn qua đời. Ngày 14-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị bất thường bầu Trường Chinh giữ chức Tổng Bí thư của Đảng và chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội VI của Đảng.

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Khi đó, Việt Nam vẫn đang bị các nước đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng từ 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI:

Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, khởi xướng đường lối toàn diện, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 124 ủy viên chính thức, bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức; bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra mang tính toàn diện trên các lĩnh vực, nổi bật ở những nội dung sau:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyên vọng chủ quan. Từ việc chỉ rõ những hạn chế, Đảng đưa ra chủ trương:

Về kinh tế, thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

Về chính sách xã hội, Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Về quốc phòng và an ninh: Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Về nhiệm vụ đối ngoại: Góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Về xây dựng Đảng: Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân

bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng.

Nhận xét về đại hội VI của Đảng: Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, tạo bước ngoặt cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

- Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng:

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn (12-1991). Sự sụp đổ đó gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với thế giới và Việt Nam. Viện trợ và quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu với nước ta bị thu hẹp nhanh. Trên diễn đàn quốc tế, Mỹ và các thế lực thù địch lấy cớ quân tình nguyện Việt Nam chưa rút khỏi Campuchia, tiếp tục bao vây, cấm vận, cô lập, tuyên truyền chống Việt Nam. Họ còn dung dưỡng các tổ chức phản động người Việt từ nước ngoài trở về Việt Nam gây bạo loạn, lật đổ¹. Từ sau năm 1979, quân đội Trung Quốc vẫn còn bắn pháo, gây hấn trên một số vùng biên giới phía Bắc, nhất là mặt trận Vị Xuyên (Hà Giang). Cao điểm nhất, tháng 3-1988, Trung Quốc cho quân đội chiếm đảo Gạc Ma và các bãi cạn Châu Viên, Chữ Thập, Tư Nghĩa,... trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Quan hệ Việt Nam-Trung Quốc vốn căng thẳng từ những năm 1974, 1979 đến thời điểm này càng căng thẳng hơn.

Ở trong nước, những năm 1987-1988, khủng hoảng kinh tế-xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn. Sự dao động về tư tưởng chính trị, giảm sút niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa ngày càng lan rộng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật là ở các lĩnh vực sau: kinh tế; hệ thống chính trị; quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng Đảng. Cụ thể:

Những đổi mới về kinh tế:

Trong nông nghiệp, nổi bật là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (gọi tắt là Khoán 10). Theo đó, người nông dân được nhận khoán và canh tác trên diện tích ổn định trong 15 năm; bảo đảm có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên.

Trong công nghiệp, xóa bỏ chế độ tập trung, bao cấp, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ, giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Quyết định số 217-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (14-11-1987)

¹ Cuộc hành quân “Đông tiến 1” năm 1986 do Hoàng Cơ Minh cầm đầu bị nhân dân Lào phối hợp với Việt Nam đập tan: 65 tên bị tiêu diệt, 67 tên bị bắt sống, chỉ còn 15 tên chạy thoát về Thái Lan.

trao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp. Lần đầu tiên *Luật Đầu tư nước ngoài* được Quốc hội khóa VIII thông qua, có hiệu lực từ ngày 1-1-1988.

Trong phân phối lưu thông, Hội nghị Trung ương 2 (4-1987) chủ trương bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá (bằng cách thực hiện cơ chế một giá), giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân (bằng cách mở rộng giao lưu hàng hóa, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông, thực hiện chế độ lương thống nhất trong cả nước,...).

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước công nhân sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế. Nâng cao vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Các chủ trương trên thể hiện tư duy đổi mới quan trọng về kinh tế của Đảng và đã có kết quả nhanh chóng. Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xóa bỏ. Lương thực, từ chỗ thiếu triền miên, năm 1988 phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, đến năm 1989 đã đáp ứng được nhu cầu, có dự trữ và xuất khẩu. Hàng tiêu dùng đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh hơn trước.

Những đổi mới về hệ thống chính trị:

Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) chính thức dùng khái niệm *hệ thống chính trị*, đề ra những chủ trương cụ thể và xác định sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới¹. Để chỉ đạo công tác tư tưởng trong bối cảnh tác động xấu từ sự khủng hoảng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu²; kịp thời ngăn chặn các hoạt động chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc, đề ra nhiệm vụ của Đảng ta. Trong đó, Đảng chủ trương: những người cộng sản Việt Nam cần rút ra những bài học cần thiết từ sự khủng hoảng của Liên Xô, đổi mới nhận thức về mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; Đảng phải tích cực đổi mới, nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của mình; cần cảnh giác và kiên quyết chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Những đổi mới về quốc phòng, an ninh và đối ngoại:

Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại. Đó là việc ưu tiên giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế; kiên quyết thực hiện chính sách “thêm bạn, bớt thù”, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, vì hòa bình và phát triển ở khu vực và trên thế giới³. Trước hết là bình thường hóa quan hệ Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Hoa Kỳ; từng bước xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước Đông Nam Á, thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam và các nước châu Âu. Quan điểm

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 49, tr. 591.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 50, tr. 58.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 50, tr. 77-78.

của Đảng, Nhà nước Việt Nam là sớm tiến hành những bước đầu tiên giải quyết bất đồng với các nước nhưng luôn kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Để thực hiện chủ trương đó, từ tháng 5-1988, Việt Nam tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện ở Campuchia về nước và rút hết quân tình nguyện về nước vào tháng 9-1989, sớm hơn một năm theo kế hoạch đã định.

Những đổi mới về xây dựng Đảng:

Nhằm thực hiện đổi mới tư duy của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng¹. Theo đó, trước nhất là đổi mới tư duy kinh tế; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy. Cùng với đó, cần đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

- Kết quả thực hiện:

Đất nước sau hơn 4 năm đổi mới cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

Đại hội VII khẳng định nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988: 393,3%, năm 1990 còn 67,4%.

3.2.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện đường lối đổi mới (1991-1996)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho trên hai triệu đảng viên cả nước.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và kết quả thực hiện:

Đại hội đã bầu 146 ủy viên Trung ương, Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí, bầu đồng chí Đỗ Mười làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật những nội dung cơ bản và mới sau:

Về kinh tế: Trên cơ sở phân tích tình hình công nghiệp, công nghệ và giai cấp công nhân những năm qua, tình hình thuận lợi và khó khăn trước mắt, Hội nghị Trung ương 7 (7-1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Kết quả là sau 5 năm 1991-1995, nhiều mục tiêu chủ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 49, tr. 261.

yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5-6,5%). Đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

Về tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại: sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến phức tạp; đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới. Hội nghị Trung ương 3 (6-1992) đã thảo luận và đưa ra ba quyết sách quan trọng, đúng đắn về củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Trong đó, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, mà lực lượng nòng cốt là các lực lượng vũ trang gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Về đối ngoại, Đảng, Nhà nước chủ trương mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc.

Những chủ trương trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới. Từ tháng 11-1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ và từng bước khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN và bình thường hóa quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ (7-1995). Ngày 3-2-1994, Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam. Ngày 11-7-1995, Việt Nam-Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao. Ngày 28-7-1995, Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ buôn bán với trên 100 nước... Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển.

Về đổi mới và chỉnh đốn Đảng: Đánh giá đúng những thành tựu, chỉ rõ những nhược điểm, khuyết điểm không thể xem thường của Đảng trong lãnh đạo bước đầu của công cuộc đổi mới, **Hội nghị Trung ương 3 (6-1992), lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng¹**. Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh giữ vững ổn định chính trị.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 52, tr.188.

Về đại đoàn kết dân tộc: Ngày 17-11-1993, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07 về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhấn mạnh đại đoàn kết lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, vì lợi ích chung của dân tộc; cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai.

Về đổi mới, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội²: Thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII, với quan điểm coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng, Hội nghị Trung ương 4 đã ban hành 5 Nghị quyết liên quan đến chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người: (1) về tiếp tục đổi mới sự nghiệp sự nghiệp giáo dục và đào tạo; (2) về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt; (3) về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; (4) về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; (5) về công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Các nghị quyết trên cho thấy quan điểm cách mạng và nhân văn của Đảng: Tất cả là do con người, tất cả vì hạnh phúc con người, chúng ta coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; đồng thời, coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000

Ngoài các văn kiện chính của một Đại hội Đảng, điểm mới nổi bật của Đại hội VII là thông qua hai văn kiện quan trọng: (1) Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và (2) Chiến lược, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000.

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* do Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn.

Cương lĩnh đã trình bày xu thế phát triển của thế giới, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹. Ngoài ra, Cương lĩnh còn nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội, chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 54, tr. 514-530.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, tr. 134.

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

(2) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.* Đây là một trong những cái mới của Đại hội VII khi lần đầu tiên thông qua văn kiện có tầm nhìn 10 năm, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là: Phát triển kinh tế-xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

- *Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng:*

Trước sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, lần đầu tiên Đảng tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1-1994). Hội nghị khẳng định, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, song Đảng đã mạnh dạn tìm tòi, tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, giành thắng lợi quan trọng.

Lần đầu tiên trong Văn kiện, Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhận thức mới của Đảng là: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996) đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. “Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng

xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc và kéo dài, dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này, hay lĩnh vực khác, ở mức độ này, hay mức độ khác”¹.

3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 – 2018

3.2.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2001)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Đại hội VIII họp tại Hà Nội, từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao hơn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào. Sau 10 năm đổi mới, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.

Dự Đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho hơn 2,1 triệu đảng viên trong cả nước.

- Nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII:

Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng và bầu đồng chí Đỗ Mười tiếp tục làm Tổng Bí thư của Đảng. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VIII đã bổ sung đặc trưng tổng quát về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* và nổi bật những vấn đề trọng tâm sau:

Về công nghiệp hóa, Đại hội VIII chủ trương: 1) Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; 2) Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; 3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững; 4) Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định; 5) Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ; 6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Về công tác xây dựng Đảng, đại hội VIII đưa ra quan điểm: xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Đảng phải tiếp tục sự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém.

Có thể thấy, Đại hội VIII đã đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, tr. 356.

- Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và kết quả đạt được trong thực tế

Sau Đại hội VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp nhiều lần, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật là:

Về kinh tế¹, Đảng chủ trương tiếp tục đổi mới. Quan điểm của Đảng: coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế. Cần kiệm để công nghiệp hóa, khắc phục xu hướng chạy theo “xã hội tiêu dùng”. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tăng tỷ trọng lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, quan tâm công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh hợp tác hóa và dân chủ hóa.

Vượt qua khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực từ tháng 7-1997, với các chủ trương trên về kinh tế, cho đến năm 2000, kinh tế đất nước tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 13,5%. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Về đổi mới hệ thống chính trị, Đảng nhận định công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng, nhưng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Hội nghị Trung ương 3 (6-1997) đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh². Trung ương nhấn mạnh ba yêu cầu lớn: (1) tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; (2) tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy, phục vụ nhân dân; (3) tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nhiệm vụ và giải pháp lớn là: mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các biện pháp tổ chức thực hiện. Tăng cường xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tiếp nối Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (6-1997), tháng 2-1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về Quy chế dân chủ. Sau đó, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức trong hệ thống chính trị đã phối hợp ban

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 56, tr. 601.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 56, tr. 306.

hành *Quy chế dân chủ* ở các loại hình tổ chức cơ sở, ở các cơ quan, đơn vị trong cả nước và trên các lĩnh vực.

Đồng thời, Đảng cũng đề ra Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước¹. Chủ trương của Đảng là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Tiêu chuẩn chủ yếu của cán bộ được xác định theo những chuẩn mực đạo đức của tư tưởng Hồ Chí Minh, coi trọng cả đức và tài, lấy đức là gốc. Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (12-1997) bầu đồng chí Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư.

Về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị Trung ương 6 lần 2 (2-1999) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng². Trong đó yêu cầu tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi 4 nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Kiên định những quan điểm có tính nguyên tắc sau: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận “đa nguyên, đa đảng”. Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII (8-1999) đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của các cơ quan của Quốc hội, của Chính phủ và chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và tòa án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

Về đổi mới, phát triển giáo dục-đào tạo, khoa học và công nghệ, Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12-1996) đã ban hành hai nghị quyết quan trọng, nhấn mạnh coi giáo dục-đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Trong đó, định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000³ là xây dựng những con của chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục-đào tạo. Coi giáo dục-đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Phương châm giáo dục là học mọi lúc, mọi nơi, học suốt đời với sự phối hợp giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội. Về khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa⁴, Đảng chủ trương đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng-an ninh. Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà, từng bước hình thành nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam.

Về xây dựng và phát triển văn hóa, theo chương trình toàn khóa VIII, Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7-1998) đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 20015, tập 56, tr. 332.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 56, tr. 332.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, tr. 716.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, tr. 741.

văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trung ương nhấn mạnh quan điểm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn học, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất mà đa dạng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sau 15 năm đổi mới (1986-2001), Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới. Chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000 đã đưa GDP của nước ta từ 15,5 tỷ USD năm 1991 tăng vượt hơn gấp đôi ở năm 2000, đạt trên 35 tỷ USD. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà Đại hội VIII đề ra là 9-10% đã không đạt. Các nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng (1-1994) đã nêu ra vẫn là những thách thức lớn của cách mạng nước ta.

3.2.2.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục trường hợp công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2001-2006)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Đại hội IX của Đảng đã họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001, là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, một nước lớn lợi dụng chống khủng bố, tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước. Khu vực Đông Nam Á, châu Á-Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Dự Đại hội IX có 1.168 đại biểu, thay mặt cho hơn 2,2 triệu đảng viên trong cả nước.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX:

Ngoài những nội dung tiếp tục đổi mới toàn diện, nội dung mới của Đại hội IX là thông qua *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010* và những nhận thức mới về con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

Đảng và nhân dân quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế.

Quan hệ các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng, Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, chủ yếu phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.*

- Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và kết quả trong thực tế

Trong toàn khóa IX, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, nổi bật nhất là những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Về kinh tế, Hội nghị Trung ương 3 (9-2001) đã chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước¹, tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã thống nhất nhận thức về sự cần thiết phát triển kinh tế tập thể² và chủ trương xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 60, tr.599.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 61, tr.218.

Đối với kinh tế tư nhân (gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân), tiếp tục thực hiện quan điểm của Đảng trong đại hội IX, Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã thảo luận, thống nhất nhận thức coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Trung ương quyết định tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Về vấn đề quyền sở hữu đất, Hội nghị Trung ương 7 (3-2003)¹ đã thống nhất nhận thức coi đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Trung ương chủ trương tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho cá nhân.

Về công tác tư tưởng, lý luận, Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã đưa ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới². Trung ương nhấn mạnh cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; chủ động tiến công, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Đặc biệt, ngày 27-3-2003, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới nhằm làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta.

Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt là Hội nghị Trung ương 7 (3-2003) đã ban hành ba Nghị quyết quan trọng:

(1) Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”³.

(2) Nghị quyết về công tác dân tộc⁴ khẳng định: các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển quan điểm của Hội nghị trung ương 7, một năm sau, Bộ Chính trị khóa IX (3-2004) đã ban hành Nghị quyết số 36 chủ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, tr. 68.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 61, tr. 309.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, tr. 26.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, tr. 43.

trường coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước.

(3) Nghị quyết về công tác tôn giáo¹. Trung ương khẳng định, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật.

Về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, sau Đại hội IX, nhất là sau sự kiện 11-9-2001 ở nước Mỹ, tình hình thế giới diễn biến rất mau lẹ, phức tạp; sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta đang đặt ra những vấn đề mới rất cấp thiết. Hội nghị Trung ương 8 (7-2003) đã ra kịp thời thảo luận và ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới². Chiến lược xác định: Mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ gìn an ninh chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc được Đảng đưa ra song song với mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2.2.3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện (2006-2011)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Đại hội X của Đảng họp tại Hà Nội, họp từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006, vào thời điểm đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có sự thay đổi cơ bản, toàn diện, thể và lực, uy tín quốc tế tăng lên nhiều so với trước. Tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong cả nước.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng:

Đại hội đã thông qua các Văn kiện chính trị và tiếp tục bầu đồng chí Nông Đức Mạnh làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các văn kiện của Đại hội trình bày toàn diện những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, nổi bật với nhiệm vụ trọng tâm, tổng quát thể hiện trong chủ đề của Đại hội *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy*

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, tr. 57.

² Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 45.

sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”.

Về chỉ đạo chung, đại hội X chủ trương “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”. Tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Về nhận thức con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đại hội X có sự tiếp thu, bổ sung hai đặc trưng mới của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng so với Cương lĩnh năm 1991 là: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, diễn đạt lại các đặc trưng khác.

Về công tác xây dựng Đảng, đại hội X là lần đầu tiên đặt lên hàng đầu nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Chính vì Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mọi thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, từ đội ngũ cán bộ đến phương thức lãnh đạo của Đảng. Cái mới của Đại hội X là làm sáng tỏ bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Quan điểm mới nổi bật của Đại hội X là đã **cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, kết cả tư bản tư nhân nhưng yêu cầu phải tuân thủ Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật Nhà nước đồng thời nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên**. Đây là chủ trương đúng đắn, vừa phù hợp thực tế, vừa động viên mọi nguồn lực vào thực hiện mục tiêu của Đảng “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Về khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Muốn đoàn kết phải lấy mục tiêu chung của toàn dân tộc là giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Điểm mới của Đại hội là chỉ ra nhiều biện pháp, hình thức, nhằm phát huy dân chủ, có chính sách bảo vệ lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội.

- *Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X và kết quả trong thực tế:*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, nổi bật là những quyết sách sau:

+ *Về đổi mới kinh tế*

Lần đầu tiên, tại Hội nghị Trung ương 8 (7-2003), Đảng ta ban hành *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*¹. Trung ương nhận định, thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương. Từ những năm 90 của thế kỷ trước, Đảng và Nhà nước ta đã có một số nghị quyết, chính sách về các lĩnh vực liên quan đến biển nhưng vẫn cần một chiến lược biển toàn diện. Quan điểm chỉ đạo của Đảng thể hiện trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 là phấn đấu để nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn. Cùng với đó, phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường,...

Trên cơ sở những thành công đạt được trong giai đoạn trước, Hội nghị Trung ương 6 (1-2008) đã đưa ra những chủ trương và giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa². Quan điểm chỉ đạo chung của Trung ương: Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Trên cơ sở quan điểm đó Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Hội nghị Trung ương 7 (2008) lần đầu tiên đưa ra những quyết sách mạnh mẽ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết đồng thời ba vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn³. Quan điểm chỉ đạo: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Khi tiến hành, phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực.

Những chủ trương nêu trên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế 5 năm (2005-2010): tốc độ tăng GDP bình quân đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001-2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao⁴. Năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Việt Nam năm 2008 đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 70.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 133.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 121.

⁴ Trong 5 năm 2006-2010, tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỉ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm ước đạt 146,8 tỉ USD, gấp 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2001-2005. Tổng vốn ODA cam kết đạt trên 31 tỉ USD, gấp hơn 1,3 lần so với mục tiêu đề ra; giải ngân ước đạt khoảng 13,8 tỉ USD, vượt 17,5%.

+ Về đổi mới hệ thống chính trị

Đổi mới hệ thống chính trị, trước tiên là tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả chỉ đạo của Đảng. Trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa X (4-2007), Đảng đã sắp xếp bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương gọn hơn. Tiếp sau đó, Hội nghị Trung ương 6 (8-2007), Đảng chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước¹. Mỗi một cấp, mỗi cơ quan Đảng có vai trò và trách nhiệm riêng, cần hoàn thành. Đảng không bao biện làm thay nhưng cũng không được buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân.

Ngoài ra, Đảng còn chú trọng vào việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nhất là đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thể hiện rõ trong Hội nghị Trung ương 5 (7-2007) và Hội nghị Trung ương 6 (1-2008). Trong đó, Đảng chỉ đạo: công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm. Cũng trong Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 (1-2008), Đảng đã ra chủ trương nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

+ Về phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc

Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, Đảng chủ trương cần quan tâm phát triển từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam. Cụ thể, đối với giai cấp công nhân, Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 6, khóa X (8-2007) về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước²; đối với thanh niên và trí thức, Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 7, khóa X (7-2008) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên³ và Nghị quyết về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế⁴.

+ Về đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, báo chí

Qua hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, toàn Đảng, toàn dân ta đã thu được nhiều kết quả tốt trong học tập, quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước yêu

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 127.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 43.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 35.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 81.

cầu của tình hình mới, Hội nghị Trung ương 12, khóa IX (7-2005) đã chỉ đạo thí điểm cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tháng 11-2006, Bộ Chính trị khóa X quyết định tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng, toàn dân. Với các chủ đề khác nhau hàng năm, cuộc vận động đã nhanh chóng trở thành phong trào sâu rộng trong toàn xã hội, tạo sự chuyển biến rõ rệt về ý thức tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

Trong bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi, biểu hiện tiêu cực về tư tưởng diễn biến phức tạp và nghiêm trọng, tiềm ẩn các nguy cơ trực tiếp gây mất ổn định chính trị, Hội nghị Trung ương 5 (7-2007) đã ban hành Nghị quyết về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới¹. Trung ương nhấn mạnh: công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ. Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị-xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Hoạt động báo chí phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng.

Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”². Văn học, nghệ thuật Việt Nam thời kỳ mới phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

+ Về đổi mới mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế

Tháng 11-2006, sau hơn 10 năm đàm phán, Việt Nam được chính thức kết nạp là thành viên thứ 150 của WTO³. Việt Nam đã đăng cai và tổ chức thành công tuần lễ cao cấp APEC lần thứ 14 (11-2006). Năm 2008, Việt Nam đã hoàn thành phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền với Trung Quốc⁴; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc bộ với Trung Quốc, phát triển quan hệ đặc biệt với Lào, tăng hệ thống mốc biên giới với Lào; hợp tác toàn diện và hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia. Ngoại giao văn hóa có nhiều khởi sắc, nhiều công trình văn hóa được công nhận là di sản văn hóa thế giới⁵. Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư với 230 nước và vùng lãnh thổ, trong đó các đối tác lớn nhất là Trung Quốc với 25 tỉ USD thương mại hai chiều, với Mỹ là 16 tỉ USD. Lượng kiều hối gửi về nước tăng tới 8 tỷ USD năm 2010. Có thể thấy hoạt động ngoại giao giai đoạn 2006-2010 đã giúp quan hệ ngoại giao của Việt Nam được mở rộng và ngày càng

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 7.

² Theo Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị Khóa X.

³ WTO thành lập ngày 1-1-1995. Hiện nay WTO chiếm trên 95% thương mại toàn cầu, bao gồm tất cả các nước phát triển trên thế giới. Sau một năm gia nhập WTO (2007), GDP của Việt Nam tăng 8,48%, xuất khẩu đạt 21,5% đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 20,3 tỉ USD.

⁴ Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam-Trung Quốc được ký kết năm 1999. Sau 8 năm thực hiện theo phương châm “dễ trước, khó sau”, đến ngày 31-12-2008 đã hoàn thành. Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam-Trung Quốc hoạch định đường biên giới trên đất liền rõ ràng và hiện đại, đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác và phát triển giữa hai nước.

⁵ Kinh đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Hoàng thành Thăng Long, Vịnh Hạ Long, Công viên Tây Nguyên, nhà nhạc cung đình Huế, hát quan họ Bắc Ninh,...

đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới, giữ vững ổn định chính trị và tạo được một môi trường quốc tế thuận lợi chưa từng có để giữ vững hòa bình, an ninh và mở rộng hợp tác, tranh thủ, vốn, kỹ thuật, trí thức, kinh nghiệm để phát triển đất nước. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại; sự phối hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hóa đối ngoại chưa đồng bộ, có mặt còn hạn chế.

3.2.2.4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và quá trình thực hiện (2011-2016)

- Thời gian, địa điểm và bối cảnh lịch sử:

Đại hội XI của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới. Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hòa bình”.

Dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên cả nước.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng:

Ngoài các văn kiện của một kỳ Đại hội Đảng, điểm nổi bật của Đại hội XI là thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*; Chiến lược, phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, bầu 160 ủy viên Trung ương chính thức, Bộ Chính trị gồm 14 người, bầu đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm Tổng Bí thư của Đảng.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là *Cương lĩnh năm 2011* có kết cấu bốn phần cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991 có bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần. Cương lĩnh 2011 đưa ra quan điểm của Đảng về quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp.

Về đặc điểm, xu thế chung: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển.

Nhận định, đánh giá về chủ nghĩa xã hội: “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát

triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục”¹. Đặc điểm nổi bật hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. “*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”¹.

Bên cạnh đó, Đảng còn xác định những vấn đề toàn cầu cấp bách liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là gìn giữ hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi bệnh tật hiểm nghèo. Ở đây bổ sung hai vấn đề là chống khủng bố và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản

Về mô hình chủ nghĩa xã hội ở nước ta: Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”². Trong số 8 đặc trưng trên, ngoài đặc trưng “Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” không đổi, Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Các đặc trưng khác diễn đạt mới rõ hơn, không chỉ là thay đổi từ ngữ mà chứa đựng những nội dung mới, với ý nghĩa phù hợp hơn với mục tiêu khi nước ta đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 68.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.69.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xi/cuong-linh-xay-dung-dat-nuoc-trong-thoi-ky-qua-do-len-chu-nghia-xa-hoi-bo-sung-phat-trien-nam-2011-1528>

Về kinh tế, Cương lĩnh năm 2011 làm rõ: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”¹.

Về văn hóa, xã hội, Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ: xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển. Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam.

Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài đầy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch. coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ; khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào lao động; thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Về quốc phòng, an ninh, Cương lĩnh năm 2011 làm rõ: mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.73.

tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Về đối ngoại, Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh: thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, Cương lĩnh 2011 xác định: dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thông qua những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất đã được giới thiệu vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Về xây dựng Đảng, Cương lĩnh chủ trương: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Cương lĩnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, Việt Nam nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.

- Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 nhấn mạnh:

Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao.

Ba đột phá chiến lược được xác định rõ gồm: (1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình

đảng và cải cách hành chính. (2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tưởng tượng vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. (3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Đại hội XI trở thành trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta, tiếp tục khẳng định, hoàn thiện và phát triển đường lối đổi mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và kết quả trong thực tế

Về đổi mới kinh tế, Hội nghị Trung ương 4 (1-2012) chủ trương xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020¹. Trung ương nhấn mạnh quan điểm: Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Phát triển kết cấu hạ tầng là sự nghiệp chung, vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, mọi người dân đều có trách nhiệm tham gia đóng góp.

Về quản lý đất đai, Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (5-2012)² đã khẳng định lại một số quan điểm mà Đảng đã đưa ra trong Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX (3-2003), đồng thời, điều chỉnh một số quan điểm thể hiện sự phát triển về nhận thức và hoàn thiện về lý luận như: khẳng định đất đai là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, là nguồn sống³ của nhân dân ta.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, Hội nghị Trung ương 6, khóa X (5-2012) ban hành Kết luận về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước⁴. Trong đó, khẳng định: Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, là lực lượng vật chất quan trọng, là công cụ hỗ trợ để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô. Doanh nghiệp nhà nước phải tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng. Châm dứt tình trạng đầu tư dàn trải ngoài ngành. Khẩn trương bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các doanh nghiệp.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 57.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tập 60, tr.79.

³ Trước đó, Đảng xác định là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 125.

Kết quả của những chính sách trên là trong 5 năm (2011-2015) tiềm lực kinh tế Việt Nam đã tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, kiểm soát được lạm phát. GDP tăng bình quân 5,9%, bình quân thu nhập đạt 2.109 USD năm 2015¹.

Về xây dựng hệ thống chính trị, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tiếp nối những chủ trương trước đó, Hội nghị Trung ương 4, khóa XI (1-2012) đã ban hành Nghị quyết “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”². Nghị quyết chỉ rõ tập trung cao độ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, trong đó nhận mạnh: kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. Quá trình xây dựng Đảng cũng là quá trình thực hiện việc chống tham nhũng, lãng phí theo quan điểm của Đảng. Và để hỗ trợ cho quá trình chống tham nhũng, lãng phí, Trung ương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư làm Trưởng ban; lập lại Ban Nội chính Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Về công tác tư tưởng, tiếp nối Chỉ thị số 06 của Bộ Chính trị khóa X (11-2008), thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị đã Ban hành Chỉ thị số 03 (5-2011) về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Về công tác dân vận, Hội nghị Trung ương 7 (5-2013) chủ trương tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới³. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ. Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu để nhân dân tin tưởng, noi theo. Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Để có một hệ thống pháp lý mạnh và phù hợp với tình hình mới, Trung ương đã tổ chức lấy ý kiến của người dân, hoàn thiện bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 với tinh thần nghiêm túc, chân thành, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý của nhân dân; kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc về bản chất của chế độ chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng

¹ <http://baochinhphu.vn/Kinh-texa-hoi-2015/GDP-nam-2015-cao-nhat-5-nam-gan-day/244614.vgp>

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 20.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr. 59.

sản Việt Nam lãnh đạo. Kết quả là Quốc hội đã họp, thông qua và ban hành Hiến pháp năm 2013 thay thế cho Hiến pháp cũ là năm 1992.

Về khoa học- công nghệ, tiếp nối Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 6 (10-2012) ra Nghị quyết về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế¹. Chỉ tiêu phấn đấu: đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ tiếp tục được Đảng khẳng định là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ như: chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ; chính sách đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ; chính sách thu hút nguồn lực, chuyên gia khoa học và công nghệ của thế giới và người Việt Nam định cư ở nước ngoài về Việt Nam làm việc,...

Về Giáo dục và đào tạo, tiếp nối Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, Hội nghị Trung ương 8 (11-2013) đã ra Nghị quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Cái mới của Nghị quyết này không chỉ ở nhận thức mà cả trong chỉ đạo thực tiễn phải coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

Về văn hóa, Đảng ban hành Nghị quyết Trung ương 9 (5-2014) với chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước² Đảng khẳng định lại một số quan điểm của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII và bổ sung thêm để làm rõ các đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam là: dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học và khẳng định mục tiêu phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người, xây dựng con người để phát triển văn hóa. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Về các vấn đề xã hội, Hội nghị Trung ương 5 (5-2012) đã chủ trương giải quyết một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020³. Quan điểm chỉ đạo là: không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế-xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 74.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 574.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 103.

Về vấn đề môi trường, Hội nghị Trung ương 7 (6-2016) đã ra Nghị quyết về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đây là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội.

Về tăng cường quốc phòng, an ninh, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (10-2013) đã ra Nghị quyết “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” với những quan điểm mới: Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng sức mạnh tổng hợp; phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực. Kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược và sách lược tạo sự đồng thuận cao của nhân dân ta ở trong nước và nước ngoài; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ cao nhất của dư luận quốc tế. Đặc biệt coi trọng mối quan hệ giữa yếu tố bên trong với bên ngoài, đoàn kết toàn dân tộc.

Về đối ngoại, Đảng chủ trương thực hiện đường lối hội nhập quốc tế toàn diện. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Đến năm 2015, nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước¹; đối tác toàn diện với 10 nước; đối tác chiến lược lĩnh vực với Vương quốc Hà Lan. Ngoại giao kinh tế đã góp phần tích cực thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư với các đối tác, thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế của đất nước. Đến năm 2012 có 36 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Nhóm các nhà tài trợ cho Việt Nam năm 2011 đã cam kết tài trợ 7,39 tỷ USD. Năm 2012, số lượng đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam đi thăm các nước, lãnh đạo cấp cao của các nước vào thăm Việt Nam tăng mạnh với 31 đoàn, gấp 4-5 lần so với các năm.

Hoạt động ngoại giao của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương như là APEC, ASEM, đặc biệt là trong ASEAN được triển khai một cách tích cực, thể hiện vị thế, vai trò ngày càng tăng của Việt Nam. Ngoại giao văn hóa tiếp tục được triển khai mạnh mẽ². Trong năm 2012, ASEAN và Trung Quốc đã xây dựng được Tuyên bố chung kỷ niệm 10 năm Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và ASEAN đã ra được tuyên bố 6 điểm về vấn đề Biển Đông. Đó là cơ sở pháp lý duy trì môi trường hòa bình, ổn định ở Biển Đông và giải quyết vấn đề Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có bước phát triển mới. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao.

¹ Đối tác chiến lược với 15 nước: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Đức, Italia, Indônêxia, Thái Lan, Xingapo, Pháp, Malaixia, Philippin. Đối tác toàn diện với 10 nước: Nam Phi, Chilê, Braxin, Venêxuêla, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Áchentina, Ucraina, Mỹ, Đan Mạch.

² Năm 2011, UNESCO đã công nhận các di sản Thành Nhà Hồ, Thanh Hóa, Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, hát xoan Phú Thọ... Năm 2012, nổi bật là việc UNESCO công nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Hát xoan (Phú Thọ) là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và mộc bản kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm là di sản tư liệu thế giới.

3.2.2.5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới

- Thời gian, địa điểm, bối cảnh lịch sử:

Đại hội XII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 21 đến 28-1-2016, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. Đất nước qua 30 năm đổi mới, thế và lực tăng lên rõ rệt, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt.

Dự Đại hội có hơn 1.510 đại biểu thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng.

- Nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII:

Ngoài các nội dung như các Đại hội Đảng, cái mới của Đại hội XII là đã tổng kết 30 năm đổi mới, bầu 180 ủy viên Trung ương chính thức, 20 ủy viên dự khuyết, 19 ủy viên Bộ Chính trị và bầu lại đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm Tổng Bí thư Đảng. Chủ đề của Đại hội là: *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*.

Đại hội, ngoài phần đánh giá tổng quát và phần mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016-2020, đã nêu tiếp các nhiệm vụ chủ yếu trên các lĩnh vực: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội XII nhấn mạnh, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả sáu nhiệm vụ trọng tâm sau:

(1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

(2) Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

(3) Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

(4) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

(5) Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Đại hội XII của Đảng là Đại hội “Đoàn kết-Dân chủ-Kỷ cương-Đổi mới”, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thực hiện chương trình toàn khóa, sau Đại hội XII, Trung ương Đảng đã tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu sau:

Về phát triển kinh tế, Hội nghị Trung ương 4, khóa XII (10-2016) đã ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế¹. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường. Đồng thời, Đảng cũng chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa² và coi đây là một nhiệm vụ chiến lược, là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.50.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, tr. 22.

Để nâng cao chất lượng tăng trưởng của kinh tế Việt Nam, Đảng chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa¹ (Hội nghị Trung ương 5 (5-2017)).

Trong phát triển kinh tế biển, sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, với những thành tựu đạt được và những hạn chế còn tồn tại, hội nghị Trung ương 8 (10-2018) đã đề ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

Về đổi mới hệ thống chính trị, Bộ Chính trị khóa XII ban hành Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (5-2016) tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Song song với đó, tiếp nối Nghị quyết trung ương 4 khóa XI (1-2012), hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10-2016) đã ra Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, Trung ương đã chỉ rõ 27 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết.

Tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cũng từng bước được sắp xếp, kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân; thực hiện tốt công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược (Hội nghị Trung ương 7 khóa XII (5-2018) đã ban hành Nghị quyết về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ). Đầu tháng 10-2018, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã đưa ra Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 23-10-2018, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XIV đã bầu Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng giữ cương vị Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, tr. 88.

Về giải quyết các vấn đề xã hội, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (10-2017) đã ban hành Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới¹. Hội nghị Trung ương 7 khóa XII (5-2018) đã ban hành Nghị quyết cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết cải cách chính sách bảo hiểm xã hội² theo hướng bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật của kinh tế thị trường.

Về đối ngoại, Hội nghị Trung ương 4, khóa XII (10-2016) đã chủ trương “Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”³. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế.

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

3.2.3.1. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới

-Về kinh tế:

Điểm nổi bật nhất là kinh tế tăng trưởng khá, thực lực của nền kinh tế tăng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý và được đánh giá là thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng khá cao trên thế giới. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Môi trường đầu tư được cải thiện, đa dạng hóa được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển. Thời kỳ 2001-2005 đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân năm là 7,5% và giai đoạn 2006-2010 tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 7%/năm, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra; GDP 5 năm 2011-2015 bình quân 5,9%; GDP giai đoạn 2016 - 2019 đạt khá cao, ở mức bình quân 6,8%/năm. Mặc dù năm 2020 kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lụt nghiêm trọng ở miền Trung nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân 5

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, tr. 130

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018, tr. 101.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 79.

năm 2016 - 2020 đạt khoảng 6%/năm và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới¹.

Năm 2010, GDP đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000 (31,2 tỷ USD). Quy mô GDP tiếp tục được mở rộng, đến năm 2020 ước đạt 271,2 tỷ USD, tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015. Năm 2008, GDP bình quân đầu người theo giá trị thực tế đã đạt 1.047 USD, năm 2010 đạt 1.168 USD, gấp khoảng 3 lần so với năm 2000; năm 2020 đạt 2.779 USD/người, gấp khoảng 1,3 lần so với năm 2015². Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007-2008 đạt 0,733, xếp hạng 100/177 quốc gia và lãnh thổ, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước hình thành và phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện. Tư tưởng, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được thể chế hóa thành pháp luật, cơ chế, chính sách³. Các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và chế độ phân phối đã phát triển đa dạng, từng bước tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường và phù hợp với điều kiện của đất nước. Các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh và cạnh tranh theo quy định của pháp luật, ngày càng phát huy vai trò tích cực trong nền kinh tế quốc dân. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường đang hình thành, phát triển, cơ bản đã có sự liên thông, gắn kết thị trường trong nước với thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường thế giới.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đô thị được đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu. Xây dựng các ngành công nghiệp hiện đại, dầu khí, điện với các nhà máy thủy điện lớn Hòa Bình, Sơn La, Trị An, Tuyên Quang, Lai Châu và nhiều nhà máy nhiệt điện.

- Về văn hóa- xã hội:

Văn hóa- xã hội có bước phát triển, bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Trong 30 năm đổi mới, Đảng ta đã ban hành 29 nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa nói chung; về giáo dục, đào tạo; khoa học, công nghệ; báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật,... nói riêng. Những văn kiện đó đã thể hiện bước tiến về nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa. Bầu không khí xã hội dân chủ, cởi mở hơn; dân trí được nâng cao; tính tích cực cá nhân và xã hội được phát huy. Những nhân tố mới, giá trị mới của văn hóa, con người Việt Nam từng bước được định hình trong đời sống. Quyền tự do sáng tạo, quảng bá văn hóa, văn học, nghệ thuật được tôn trọng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt tâm linh của nhân dân được quan tâm thực hiện. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới” và các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa,... đạt được

¹ Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tr.2, <https://daihoi13.dangcongsan.vn/tu-lieu/van-ban-chi-dao-huong-dan>.

² Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tr.2, <https://daihoi13.dangcongsan.vn/tu-lieu/van-ban-chi-dao-huong-dan>.

³ Trong 30 năm đổi mới, Quốc hội đã ba lần sửa đổi và ban hành Hiến pháp, sửa đổi và ban hành trên 150 bộ luật và luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành trên 70 pháp lệnh, tạo cơ sở pháp lý cho sự chuyển đổi và vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

những kết quả tích cực. Nguồn lực của Nhà nước, của xã hội đầu tư cho văn hóa được nâng lên; hệ thống thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng, từng bước hoàn thiện và phát huy tác dụng¹. Giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa được mở rộng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa có tiến bộ; các văn bản pháp lý, cơ chế, chính sách về văn hóa, con người từng bước được đổi mới, hoàn thiện; đội ngũ làm công tác văn hóa có bước trưởng thành.

Việc giải quyết các vấn đề xã hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi duy trì ở mức thấp và giảm dần². Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động đến năm 2020 đạt khoảng 32,8%, giảm mạnh so với năm 2015 (44%), vượt mục tiêu đề ra (dưới 40%). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cải thiện, ước đạt 64,5% năm 2020, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 24,5%, tăng so với năm 2015 (19,9%). Các giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ được tiếp tục hoàn thiện.

Mỗi năm bình quân tạo ra 1,5 - 1,6 triệu việc làm mới. Đã tiến hành điều chỉnh chuẩn nghèo theo từng thời kỳ phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước. Chỉ số phát triển con người tăng lên, từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/177 nước tham gia xếp hạng. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên hợp quốc đề ra cho năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 1,5 - 2%/năm. Tỷ lệ nghèo của cả nước năm 1993 là 58% đến cuối năm 2015 giảm còn 9,88% và tiếp tục giảm xuống dưới 3% vào năm 2020, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 giảm trên 1,4%/năm. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Đời sống người dân không ngừng được cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Đến năm 2018, hơn 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo 19 tiêu chí Chính phủ đề ra. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam đã được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế công nhận, đánh giá cao.

Về giáo dục, Việt Nam đã đạt phổ cập trung học cơ sở. Chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng có nhiều tiến bộ, coi trọng cả về xây dựng thể chế, y tế dự phòng, y học cổ truyền, quản lý thuốc, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Diện bao phủ bảo hiểm xã hội được mở rộng, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội năm 2020 đạt 32,7%. Chế độ, chính sách đối với người có công được mở rộng về đối tượng thụ hưởng với mức trợ cấp được nâng lên hằng

¹ Đến 2016, cả nước có 7.484 di tích văn hóa cấp tỉnh, 3.202 di tích văn hóa cấp quốc gia; 48 di tích văn hóa quốc gia đặc biệt, 8 di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO vinh danh là di sản thế giới; có gần 19.000 thư viện các cấp; 154 bản làng văn hóa; 5.429 nhà văn hóa các cấp; 786 cơ quan báo chí với 1.016 ấn phẩm, 4 đài truyền hình trung ương, 67 đài phát thanh - truyền hình tỉnh, thành phố.

² Tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực thành thị giảm từ mức 3,37% năm 2015 xuống còn khoảng 3,1% năm 2019. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng rất nghiêm trọng tới sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, nhiều doanh nghiệp giãn, dừng, thậm chí phải chấm dứt hoạt động. Do đó, nhiều lao động có nguy cơ mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp năm 2020 gia tăng, đạt 3,88%.

năm¹. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện và đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả.

Tình hình tôn giáo ổn định; đa số chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, góp phần đấu tranh, phản bác luận điệu xuyên tạc, vu cáo chính quyền vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo.

- Về an ninh- quốc phòng:

Nhận thức về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc của Đảng đã có sự đổi mới, phát triển và ngày càng hoàn thiện. Tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng được nâng cao, an ninh chính trị được giữ vững. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố được củng cố ngày càng vững chắc, góp phần bảo vệ biên giới và chủ quyền quốc gia, ổn định chính trị, xây dựng “thế trận lòng dân” tại các địa bàn chiến lược, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, biển, đảo. Đã tập trung xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại², tổ chức bộ máy được điều chỉnh theo hướng “tinh gọn, mạnh, hoạt động linh hoạt, hiệu lực, hiệu quả”, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, thực sự là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống pháp luật, các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng, an ninh đã được ban hành và triển khai thực hiện đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc³.

Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh đã từng bước kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội⁴. Việc kết hợp hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng khu kinh tế - quốc phòng có chuyển biến quan trọng; nhất là kết quả về hoàn thành phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ, phân định ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; từng bước hoàn thiện việc phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ với Lào, Campuchia. Những kết quả nói trên góp phần nâng cao thể và lực của đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc.

- Về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế:

Nhận thức chung của Đảng ta về thời đại, về thế giới và khu vực ngày càng rõ và đầy đủ hơn. Chủ trương của Đảng về đối ngoại cũng cho thấy sự trưởng thành trong nhận thức, từ “phá thế bị bao vây, cấm vận” tiến đến “hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới”, và tiếp theo là “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” một cách toàn diện.

¹ Tính đến đầu năm 2021, cả nước đã xác nhận được trên 9,2 triệu người có công, trong đó số người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng gần 1,4 triệu người; trên 500 nghìn thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tiền tuất hằng tháng.

² Hải quân, phòng không - không quân, cảnh sát biển, thông tin liên lạc, tác chiến điện tử, cơ yếu...

³ Đặc biệt là: Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược an ninh quốc gia, Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia.

⁴ Ví dụ như: Đảng chỉ đạo xây dựng, phát huy tốt vai trò nòng cốt của 28 khu kinh tế - quốc phòng, tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn chiến lược đặc biệt khó khăn dọc biên giới đất liền, trên biển, hải đảo; đã từng bước bố trí lại dân cư thành các cụm làng, xã, thôn, bản theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thành quả của quá trình phát triển về nhận thức của Đảng trong lĩnh vực đối ngoại là đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong cộng đồng ASEAN. Việt Nam là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Năm 1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn kinh tế Á - Âu (ASEM). Ngày 14-11-1998, Việt Nam gia nhập tổ chức Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APRC năm 2006 và năm 2007. Cùng với việc tăng cường ngoại giao nhà nước, quan hệ đối ngoại đảng và ngoại giao nhân dân được mở rộng, đã nâng cao vị thế, uy tín của nước ta tại các diễn đàn đa phương. Quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam và Lào tiếp tục được củng cố và có những bước phát triển, ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Quan hệ Việt Nam - Campuchia được củng cố và tăng cường về nhiều mặt. Quan hệ với Trung Quốc có những bước tiến triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Đã ký Hiệp định biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc 1999, phân giải cấm mìn trên thực địa toàn tuyến biên giới; phê chuẩn Hiệp định phân định và Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc bộ.

- Về tư tưởng, hệ thống chính trị

Nhận thức về xây dựng và phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ. Về xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa: Đảng đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn tầm quan trọng và vai trò của xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, khẳng định dân chủ là bản chất chế độ, vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Đảng đã nhận thức rõ hơn cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta là: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, chú trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước; thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Qua 30 năm đổi mới, Đảng đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định đây là một trong tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, vừa tiếp thu thành tựu của nhân loại về nhà nước pháp quyền, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm riêng của Việt Nam. Đảng đã xác định rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của Đảng, quy định rõ hơn vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng và đã xác định ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn nền tảng tư tưởng của Đảng. Từ việc khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động trong đại hội VII, qua các Đại hội, Đảng nhận thức rõ hơn khái niệm, nguồn gốc, nội dung, vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Đảng cũng nhận thức rõ về vị trí, nội dung nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng là then chốt, mang ý nghĩa sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Đảng đã thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Các đường lối, chủ trương của Đảng đã xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan, song song

với phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Những thành tựu chủ yếu nêu trên tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển trong những năm tới; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Đạt được những thành tựu này là do Đảng có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân ủng hộ, tích cực thực hiện, đồng thời cũng được bạn bè quốc tế ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ.

3.2.3.2. Những hạn chế, khuyết điểm

Thực tiễn phát triển công cuộc đổi mới bên cạnh những thành tựu cũng bộc lộ những hạn chế cần phải khắc phục. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn có một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường,

Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới tinh vi và thâm độc chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Về khách quan: Đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Tình hình thế giới và khu vực có những mặt tác động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch và cơ hội chính trị.

Về chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng.

Nhận thức và giải quyết tám mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.

Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế để kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai thực hiện, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi, bổ sung.

Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ; chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế, chính sách để trọng dụng người có đức, có tài.

3.2.3.3. Một số kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

Nhìn lại hơn 30 năm đổi mới, từ những thành tựu cũng như những hạn chế, khuyết điểm, rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Câu hỏi ôn tập Chương 3

1. Tóm tắt nội dung Đường lối toàn diện của Đại hội VI (12-1986) và quá trình thực hiện.
2. Nêu khái quát quan điểm của Đảng trong đại hội IX (4-2001).
3. So sánh để cho thấy sự phát triển trong quan điểm của Đảng từ đại hội X (4-2006) đến đại hội XI (1-2011).
4. Tóm tắt những ý chính trong chủ trương của Đảng trong đại hội XII (1-2016).
5. Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò như thế nào đối với sự nghiệp đổi mới?
6. Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò như thế nào đối với tiến trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế?

TỔNG LUẬN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử của Đảng, của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Đó là thời kỳ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đi tìm con đường cứu nước (1911-1920) và khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội và con người. Thời kỳ 1920-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, cùng với các chiến sĩ cách mạng tiên bối chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930, công bố Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, Đảng đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu của cách mạng, từ cách mạng giải phóng dân tộc đến cuộc cách mạng xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam

Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đánh đổ chế độ thuộc địa của thực dân Pháp và phát xít Nhật gần một thế kỷ, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng ngàn năm, giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, xây dựng nền cộng hòa dân chủ, chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, tạo tiền đề để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc được mở ra, kỷ nguyên dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, được làm chủ đất nước và xã hội, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, thực hiện các quyền cơ bản của con người. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị của thực dân, phát xít, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa rất lớn, không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới. “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”¹. Cuộc Cách mạng Tháng Tám cho thấy sự kết hợp đúng đắn của đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cũng như nghệ thuật chớp thời cơ của Đảng.

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự, độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mạnh là chính, vận dụng lý luận chủ nghĩa

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr. 25.

Mác-Lênin về chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, kế thừa truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc, Đảng đã phát triển phong phú các hình thức chiến tranh nhân dân, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, kết hợp kháng chiến với kiến quốc đã đưa kháng chiến đến thắng lợi với Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và ký kết Hiệp định Geneve.

Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước, Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Một đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm chia làm hai miền với hai chiến lược cách mạng khác nhau là đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam 1954-1975. Cùng với đường lối cách mạng, Đảng phải phát triển sáng tạo về phương pháp cách mạng: hai chân, ba mũi, ba vùng. Đảng cũng nắm vững phương châm chiến lược đánh địch lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đê bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng. Đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng do Đảng đề ra và thể hiện phong phú trong chiến tranh cách mạng “đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cực kỳ to lớn” để đánh thắng thế lực đế quốc giàu mạnh nhất, hung bạo nhất trong thời đại ngày nay.

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cần nhận thức rõ, sự nghiệp đổi mới là kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đề ra là bước đổi mới quan trọng về tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của Karl Marx và V.I.Lênin về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới cũng là kết quả của quá trình tổng kết, tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, từng bước khắc phục lối tư duy chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nóng vội và thấy rõ sự cần thiết phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đường lối đổi mới dựa trên cơ sở sáng kiến, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân và do đó trở thành yêu cầu khách quan, tất yếu của cuộc sống.

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1996), đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại mở rộng, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Đại

hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Những thành tựu đó *tao tiền đề*, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*”¹.

Quá trình đổi mới của Việt Nam cũng là quá trình hoàn thiện nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện qua sự phát triển từ 6 đặc trưng trong Cương lĩnh 1991 đến 8 đặc trưng trong Cương lĩnh 2011,... Nhận thức của Đảng đã sáng tỏ hơn về chế độ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sáng tỏ hơn về những nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa*. Kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Việt Nam đã và đang kế thừa thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cách mạng công nghiệp lần thứ 2, lần thứ 3 và nhất là cách mạng công nghiệp lần thứ 4, cách mạng 4.0.

Lãnh đạo công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa với tầm nhìn chiến lược, định ra những mục tiêu chiến lược lâu dài khi đất nước kết thúc thời kỳ quá độ xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, vừa chú trọng những vấn đề bức thiết đang đặt ra để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đó là đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những quy luật và yêu cầu cao. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thực tiễn đổi mới, Đảng đã nhận thức và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam. “Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”². Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh những mối quan hệ lớn đó tại Đại hội XII của Đảng.

Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

(1) Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 66.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 17-18.

Học thuyết cách mạng, khoa học Mác-Lênin soi sáng sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì con người, đó là chủ nghĩa xã hội. Kế thừa một cách sáng tạo học thuyết Mác-Lênin, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) xác định rõ mục tiêu: *Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập và để đi tới xã hội cộng sản*. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã giành được độc lập cho dân tộc, nhưng lại phải tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vào ngày 30-4-1975 mới giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975. Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đề ra, vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

(2) Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động để nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân. Người mong muốn, cách mạng thành công thì *quyền giao cho dân chúng số nhiều*. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân; việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân phải hết sức tránh.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác, từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

(3) Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848)*, Karl Marx và Friedrich Engels đã nêu rõ khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại*. Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản bổ sung: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại*. Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người coi giữ gìn đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhân mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung. Khép lại quá khứ, xóa bỏ định kiến, hận thù, mặc cảm, hướng tới tương lai. Đại đoàn kết dân tộc, nhân dân luôn luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền con người, quyền và trách nhiệm công dân. Trong lịch sử, Đảng đã chú trọng xây dựng các tổ chức Mặt trận, các đoàn thể để đoàn kết toàn dân, ngày nay, tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội.

(4) Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Hồ Chí Minh là lãnh tụ dân tộc, lãnh tụ của Đảng đồng thời là chiến sĩ quốc tế. Người thấy rõ sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”¹. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo nên nhân tố quyết định thắng lợi. Cách mạng tháng Tám 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phát xít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài bao gồm cả viện trợ, cho vay và đầu tư trực tiếp. Tích cực, chủ động hợp tác với các nước, hội nhập quốc tế, tạo cả thế và lực để phát triển đất nước. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đã tạo được sự hội nhập thành công đồng thời vẫn giữ vững độc lập, tự chủ và con đường phát triển của đất nước.

(5) Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, tr. 320.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, Đảng không có chủ nghĩa (lý luận) cũng giống như người không có trí khôn. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền và lãnh đạo ở Việt Nam. Đảng lãnh đạo đất nước trên mọi lĩnh vực. Vì vậy, mỗi thành quả đạt được trong thực tế đều gắn với vai trò, trách nhiệm của Đảng. Đảng phải hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước vì hạnh phúc của nhân dân. Để hoàn thành nhiệm vụ mà đất nước và nhân dân giao phó, Đảng phải luôn coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cũng như tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng.

Những thành quả của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đã cho thấy Đảng chính là nhân tố quyết định hàng đầu cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong thời gian tới, Đảng phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 4 khóa XII (30-10-2016) về *tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*; thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn liền với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị (15-5-2016) về *đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (25-10-2017) về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII (19-5-2018) về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, thật sự làm cho Đảng vững mạnh, tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo xã hội và Nhà nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới. Có thể thấy, Đảng không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng. Đó là truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng vì lý tưởng cách mạng cao cả, vì nước, vì dân, với sự hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, đảng viên kiên trung của Đảng. Truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thống nhất nhận thức, ý chí và hành động. Truyền thống tự phê bình, phê bình nghiêm túc và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém. Truyền thống gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Truyền thống rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao bản lĩnh tự vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tôn vinh sự hy sinh anh dũng của các thế hệ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, của đồng bào cả nước trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo. Các nhà lãnh đạo tiêu biểu của Đảng đã anh dũng hy sinh như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Châu Văn Liêm, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, Tô Hiệu, Hoàng Văn Thụ và nhiều đồng chí khác. Rất nhiều tấm gương hy sinh của chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi vì lý tưởng và con đường cách mạng của Đảng và dân tộc như: Lý Tự Trọng, Nguyễn Hoàng Tôn, Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Trần Văn Ôn, Mạc Thị Bưởi, Bùi Thị Cúc, Nguyễn Thị Lợi, Cù Chính Lan, Phan Đình Giót, Bé Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân, Bùi Ngọc Dương, Lê Thị Riêng, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thị Út (Út Tịch), Quách Thị Trang, Lê Thị Hồng Gấm, Nguyễn Thái Bình, Phạm Ngọc Thảo, Vũ Xuân Thiều, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, Lê Đình Chinh, Hoàng Thị Hồng Chiêm và nhiều tấm gương kiên cường khác.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (30-10-2016) khẳng định: “Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hy sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”¹.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Quốc Bảo – Phạm Thị Nhung: *Giáo trình Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
- [2] Lê Bằng (chủ biên): *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam – Ban Chấp hành Trung ương – Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua 30 năm đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
- [5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [6] Đặng Phong: *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2013.
- [7] Trần Văn Quang (chủ biên): *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
- [8] Thông tấn xã Việt Nam: *90 năm Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Thông tấn, 2020.
- [9] Viện Lịch sử Đảng- Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh: *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, 2021.
- [10] Website: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/home/index> (Hệ thống tư liệu-văn kiện Đảng), truy cập ngày 10/8/2021.
- [11] Website: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php> (Tạp chí Lý luận chính trị), truy cập ngày 10/8/2021.

**Th.S Đỗ Thị Ngọc Lệ (Chủ biên),
Th.S Lê Anh, Th.S Nguyễn Thị Quế (Đồng chủ biên)**

**TẬP BÀI GIẢNG
LỊCH SỬ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
(Lưu hành nội bộ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 2 - Võ Oanh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38992862 – 38991373 * Fax: (028) 38980456 - 35120567

Website: <http://www.ut.edu.vn> * Email: ut-hcmc@ut.edu.vn

Phát hành năm 2021